

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THIỆN NHÂN

**THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG TỔ TỤNG
HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN
TẠI HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. LÊ TIẾN CHÂU

HÀ NỘI. 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan:

1. Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân, được thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của Tiến sĩ Lê Tiến Châu.
2. Mọi tham khảo, dùng trong luận văn đều được trích dẫn rõ ràng tên tác giả, tên công trình, thời gian, địa điểm công bố.
3. Mọi sao chép không hợp lệ, vi phạm quy chế đào tạo, tôi xin chịu trách nhiệm.

Học viên

Nguyễn Thiện Nhân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ.....	5
1.1. Khái niệm quyền công tố	5
1.2. Khái niệm và đặc điểm về thực hành quyền công tố	14
1.3. Lịch sử hình thành và phát triển quyền công tố trong tổ tụng hình sự Việt Nam trước năm 2003.....	18
1.4. Những quy định của pháp luật tổ tụng hình sự hiện hành về thực hành quyền công tố khi giải quyết các vụ án hình sự	25
Chương 2: NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU	37
2.1. Khái quát về tình hình huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	37
2.2. Thực trạng thực hành quyền công tố trong tổ tụng hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du.....	43
Chương 3: QUAN ĐIỂM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN QUYỀN CÔNG TỐ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU	56
3.1. Quan điểm cải cách tư pháp và đảm bảo thực hiện quyền công tố khi giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du	56
3.2. Một số kiến nghị nâng cao chất lượng thực hiện quyền công tố khi giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du	62
KẾT LUẬN	71
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	72

DANH CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
CSĐT	: Cảnh sát điều tra
KSV	: Kiểm sát viên
QCT	: Quyền công tố
THQCT	: Thực hành quyền công tố
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
TTHS	: Tố tụng hình sự
VKS	: Viện kiểm sát
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời gian vừa qua, các cơ quan tư pháp triển khai thi hành nhiều đạo luật quan trọng về tư pháp, tiếp tục thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, của Quốc hội về cải cách tư pháp, về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Đặc biệt, vấn đề thực hiện quyền công tố của Viện kiểm sát cũng được khẳng định trong Hiến pháp 2013, được làm rõ hơn trong Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014 và Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Vì vậy, cải cách tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động công tố và kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng hình sự của Viện kiểm sát là một đòi hỏi cấp bách của Đảng, Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.

BLTTHS 2003 trước đây đã qui định tương đối cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc thực hiện chức năng thực hành quyền công tố trong TTHS và đã đạt được một số kết quả nhất định. Đặc biệt, BLTTHS 2015 đã quy định chi tiết hơn việc thực hiện quyền công tố của Viện kiểm sát trong từng giai đoạn TTHS. Tuy nhiên, thực tiễn thực hành quyền công tố của VKS còn cho thấy có nhiều hạn chế trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án hình sự. Việc tiếp tục nghiên cứu làm rõ cả về mặt lý luận và thực tiễn quyền công tố trong tố tụng hình sự là vấn đề cần thiết hiện nay. Chính vì vậy, em đã lựa chọn đề tài “**Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh**” làm luận văn thạc sỹ luật học của mình.

1. Tình hình nghiên cứu đề tài

Vấn đề quyền công tố và thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự đã được một số sách, báo, công trình nghiên cứu đề cập. Một số tác giả đã có những nghiên cứu, bài viết về vấn đề này: Tiến sỹ khoa học Lê Cẩm có bài “*Những vấn đề lý luận về chế định quyền công tố*”, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 4/2001; Tiến sỹ Trần Văn Độ có bài “*Một số vấn đề về quyền công tố*”, Tạp chí

Luật học, số 03/2001; một số bài viết của các tác giả khác trong tập kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ “*Những vấn đề lý luận về quyền công tố và việc tổ chức thực hiện quyền công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*”, Hà Nội, 2005; ThS Dương Văn Phùng có bài viết “*Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án tham nhũng*” đăng trên Tạp chí kiểm sát, số xuân/2013; tác giả Nguyễn Hoài An có bài viết “*Một số vướng mắc, hạn chế và kiến nghị nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án trọng điểm về ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An*” đăng trên Tạp chí kiểm sát, Số 05/2013,...

Một số luận văn thạc sĩ luật học đã được công bố tại các cơ sở đào tạo luật: Luận văn thạc sĩ luật học: *Quyền công tố của Viện Kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Phạm Thị Thuỳ Linh* do PGS.TS. Hoàng Thị Minh Sơn hướng dẫn, Hà Nội, 2012; Luận văn thạc sĩ luật học: *Áp dụng pháp luật khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân ở tỉnh Nghệ An hiện nay* của Nguyễn Ngọc Thuận do PGS. TS. Nguyễn Thị Hồi hướng dẫn, Hà Nội, 2013; Luận án tiến sĩ luật học, *Quyền công tố ở Việt Nam* của Lê Thị Tuyết Hoa do GS. TS. Đào Trí Úc hướng dẫn, 2002; Luận án tiến sĩ luật học *Chức năng xét xử trong tố tụng hình sự Việt Nam* của thầy Lê Tiến Châu, Hà Nội, 2008.

Những luận văn, đề tài, công trình nghiên cứu trên về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nói chung, đồng thời đề cập đến các vấn đề liên quan đến quyền công tố. Từ khi BLTTHS 2015 ra đời cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập toàn diện, đầy đủ về chức năng công tố của Viện kiểm sát; ngoài ra việc thực hiện các quy định về chức năng công tố có những nơi, địa bàn còn có nhận thức, áp dụng chưa thống nhất. Chính vì vậy việc tiếp tục nghiên cứu về chức năng công tố của Viện kiểm sát là vấn đề có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Mặt khác, đây cũng là công trình đầu tiên

nghiên cứu việc thực hiện quyền công tố dựa trên các số liệu của huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

** Mục đích của đề tài:*

Trên cơ sở nghiên cứu chức năng để làm rõ vai trò của Viện kiểm sát trong thực hiện chức năng công tố cả về mặt lý luận và thực tiễn. Từ đó làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về chức năng công tố, đồng thời xác định thực trạng thực hành QCT ở huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh cũng như tìm nguyên nhân của những hạn chế, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động công tố đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

** Nhiệm vụ của đề tài*

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về quyền công tố và thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự, đồng thời nghiên cứu về chức năng công tố theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam.

- Nghiên cứu thực trạng thực hành quyền công tố ở huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh trong những năm gần đây, tìm ra những nguyên nhân của những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế. Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp kiến nghị nâng cao hiệu quả thực hành quyền công tố trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Trong khuôn khổ chuyên ngành luật hình sự, luận văn tập trung nghiên cứu, phân tích một số vấn đề lý luận về quyền công tố và thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự, thực trạng thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự những năm gần đây ở huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

5. Phương luận và phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về cải cách tư pháp, cũng như thành tựu của các chuyên ngành khoa học pháp lý khác có liên quan.

- Luận văn sử dụng một số phương pháp tiếp cận cụ thể để làm sáng tỏ về mặt khoa học từng vấn đề tương ứng, đó là các phương pháp nghiên cứu như: lịch sử, so sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê; nghiên cứu hồ sơ vụ án, báo cáo tổng kết, báo cáo chuyên đề của Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Ngoài ra, tác giả cũng tiếp thu có chọn lọc kết quả của của các công trình đã công bố; các đánh giá, tổng kết của cơ quan chuyên môn và các chuyên gia về những vấn đề có liên quan đến tổ chức và hoạt động của VKSND.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về mặt lý luận: Kết quả luận văn có ý nghĩa nhất định về mặt khoa học góp phần xây dựng một cái nhìn toàn diện về chức năng công tố của VKS, đồng thời thấy được trách nhiệm cũng như vai trò của VKS trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay. *Về thực tiễn:* Luận văn sẽ là tài liệu có giá trị, có thể dùng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu, học tập trong các cơ sở đào tạo, trong hoạt động nghiệp vụ của Kiểm sát viên. Những đề xuất, kiến nghị của luận văn sẽ cung cấp các luận cứ khoa học, làm cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật TTHS về tổ chức, hoạt động trong cơ quan VKS.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận về thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự.

Chương 2: Thực trạng thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du.

Chương 3: Quan điểm và một số kiến nghị nhằm góp phần nâng cao chất lượng thực hiện quyền công tố trong tố tụng hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT
VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ
TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm quyền công tố

Trên thế giới, “quyền công tố” đã xuất hiện từ thời kỳ xa xưa của xã hội loài người. Quyền công tố là một khái niệm pháp lý gắn liền với bản chất của Nhà nước, là một bộ phận cấu thành và không thể tách rời khỏi công quyền. Quyền công tố có trong tất cả các kiểu Nhà nước; nó ra đời, tồn tại và mất đi cùng với Nhà nước và pháp luật. Khi mới có Nhà nước, quyền công tố chỉ giới hạn trong phạm vi rất hẹp để bảo vệ các lợi ích của giai cấp thống trị. Cùng với sự phát triển của xã hội, nhận thức về lợi ích công và lợi ích tư, về trách nhiệm của Nhà nước đối với xã hội và cá nhân ngày càng có những thay đổi: Lợi ích cá nhân liên quan đến lợi ích công, tác động qua lại với nhau; chính vì vậy, cần có sự can thiệp của Nhà nước vào đời sống của cá nhân. Từ đó, vai trò công tố càng được đề cao trong xã hội.

Tại Việt Nam, khoa học Luật tố tụng hình sự nói riêng cũng như khoa học pháp lý nói chung, chế định “quyền công tố” chưa được nghiên cứu một cách toàn diện; chính vì vậy, chưa có khái niệm chính thống về quyền công tố. Mặc dù vậy, quyền công tố là một quyền năng quan trọng đã được Viện công tố thực hiện ở nước ta từ năm 1945; từ 1960 đến nay do Viện kiểm sát nhân dân thực hiện. Tuy nhiên, hiểu thế nào là “*công tố*”, “*quyền công tố*”, bản chất và nội dung của nó là gì, thì hiện nay vẫn chưa có nhận thức, quan điểm thống nhất chung.

Có quan điểm cho rằng, công tố là “*hoạt động tố tụng đối với các vụ án mà trong đó động chạm trực tiếp hay gián tiếp đến các lợi ích của Nhà nước khi mà người đại diện của nó bị thiệt hại do sự vi phạm pháp luật*” [15].

Theo từ điển tiếng Việt, công tố có nghĩa là “*điều tra, truy tố và buộc tội kẻ phạm pháp trước Tòa án*” [21, tr.204].

Từ điển luật học lại ghi: Công tố “*là quyền của Nhà nước truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội*” [22, tr.188].

Thuật ngữ “quyền công tố” lần đầu tiên được ghi nhận tại Hiến pháp năm 1980; sau đó tại Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp 2013, Bộ luật tố tụng hình sự năm 1998, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, Luật tổ chức VKSND năm 1981, Luật tổ chức VKSND năm 1992, Luật tổ chức VKSND năm 2002, Pháp lệnh kiểm sát viên năm 2002...

Từ điển luật học định nghĩa về quyền công tố như sau: “*Quyền công tố là quyền buộc tội nhân danh Nhà nước đối với người phạm tội*” [21, tr.188].

Hiện nay chưa có văn bản pháp luật nào của Nhà nước giải thích chính thức nội dung quyền công tố. Có nhiều quan điểm khác nhau về nội dung, lĩnh vực cũng như phạm vi chủ thể tham gia thực hành quyền công tố. Nhưng về nội dung và phạm vi thực hành quyền công tố (những yếu tố cấu thành quyền công tố) là những yếu tố không thể thay đổi ở bất kỳ quốc gia nào.

Nghiên cứu các tài liệu hiện hành có thể thấy một số quan điểm về quyền công tố như sau:

- Quan điểm thứ nhất đồng nhất khái niệm quyền công tố với hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân (trước khi Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi bổ sung năm 2001). Quan điểm này xuất phát từ chức năng của VKSND để xem xét quyền công tố; theo đó, tất cả các hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật đều là thực hành quyền công tố. Có nghĩa là ngay cả khi Viện kiểm sát kiến nghị, yêu cầu các cơ quan nhà nước khắc phục, sửa chữa những sai phạm của mình trên các lĩnh vực hành chính, kinh tế, xã hội thì đó cũng là hoạt động thực hành quyền công tố. Quan điểm này cho rằng công tố không phải là một chức năng độc lập của Viện kiểm sát, mà chỉ là một quyền năng, một hình thức hoạt động chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Đây

là quan điểm khá phổ biến, đặc biệt là trong ngành Kiểm sát nhân dân từ năm 1960 cho đến khi Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 được ban hành. Cơ sở lập luận của quan điểm này chủ yếu dựa vào nội dung các điều luật được quy định trong Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1981 và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1992. Mặt khác, quan điểm này cũng chịu ảnh hưởng của các nhà tổ tụng hình sự Liên Xô trước đây.

Khái niệm quyền công tố theo quan điểm trên là chưa chính xác, vì đã đánh đồng quyền công tố với quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đồng thời cũng không phù hợp với các quy định của Hiến pháp và các Luật. Theo quy định của pháp luật nước ta trước khi Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi thì Viện kiểm sát có hai chức năng: Chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật và chức năng thực hành quyền công tố. Hai chức năng có một số nội dung đan xen, liên hệ chặt chẽ và tác động qua lại với nhau, nhưng về nội dung và phạm vi áp dụng thì giữa chúng vẫn có sự độc lập với nhau. Vì vậy không thể đồng nhất hai chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát.

- Quan điểm thứ hai cho rằng quyền công tố là quyền của Nhà nước giao cho VKS truy tố kẻ phạm tội ra Tòa án, thực hiện sự buộc tội tại phiên tòa (Thực hành quyền công tố). Quan điểm này cho rằng việc thực hiện quyền công tố chỉ diễn ra trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự.

Quan điểm này quá thu hẹp khái niệm, nội dung cũng như phạm vi của quyền công tố. Về lý luận cũng như trên thực tế, hoạt động thực hành quyền công tố của VKS tại Tòa án chỉ là một bộ phận trong nhiều hoạt động thực hiện chức năng thực hành quyền công tố của VKS.

- Quan điểm thứ ba cho rằng quyền công tố là quyền đại diện cho Nhà nước để đưa các vụ việc vi phạm trật tự pháp luật ra cơ quan xét xử để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo vệ trật tự pháp luật. Quan điểm này cho rằng quyền

công tố xuất hiện từ khi có Nhà nước và pháp luật, được thể hiện đầu tiên trong tố tụng hình sự; cùng với sự phát triển của xã hội và của các ngành luật, quyền công tố được mở rộng sang các lĩnh vực dân sự, kinh tế, lao động. Theo quan điểm này thì nội dung quyền công tố là tổng hợp các biện pháp pháp lý đặc trưng theo luật định mà VKS có trách nhiệm thực hiện trong hoạt động tố tụng tư pháp; quyền công tố là một nội dung của hoạt động chức năng của Viện kiểm sát nhân dân trong lĩnh vực tố tụng hình sự, tố tụng dân sự và các lĩnh vực tư pháp khác, nhằm đảm bảo mọi hành vi vi phạm pháp luật, hành vi phạm tội đều bị phát hiện, điều tra, xử lý theo pháp luật, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, tăng cường pháp chế thống nhất.

Đây là quan điểm được đưa vào chương trình giảng dạy chính thức của Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội và thường xuyên được nhắc đến trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, các chuyên đề tổng kết trước đây của ngành Kiểm sát. Quan điểm này quá mở rộng quyền công tố, dẫn đến xóa nhòa ranh giới và tính đặc thù giữa tố tụng hình sự và các lĩnh vực tố tụng khác; đồng nhất quyền công tố với các quyền năng khác của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết các vụ án dân sự, kinh tế, lao động.

- Quan điểm thứ tư cho rằng quyền công tố là quyền của Nhà nước giao cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng các chế tài hình sự đối với người phạm tội. Đó là hoạt động tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người khác được pháp luật quy định có trách nhiệm xác định kẻ phạm tội cũng như các căn cứ để kết tội và áp dụng các hình phạt đối với người phạm tội.

Quan điểm này đã đồng nhất khái niệm quyền công tố với nguyên tắc tố tụng hình sự đã được thừa nhận ở nhiều quốc gia trên thế giới. Theo đó, mọi tội phạm xảy ra đều xâm phạm đến các lợi ích chung của toàn xã hội, do đó kẻ phạm tội phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự và bị trừng trị bằng các chế tài hình sự. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với người

phạm tội được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đó là Cơ quan điều tra, Cơ quan công tố, Cơ quan xét xử và Cơ quan thi hành án. Như vậy, Toà án, Cơ quan thi hành án cũng là chủ thể thực hành quyền công tố. Quan điểm này đã xoá nhoà ranh giới giữa các chức năng buộc tội và chức năng xét xử trong tố tụng hình sự.

- Quan điểm thứ năm cho rằng quyền công tố bao gồm quyền khởi tố, điều tra vụ án, quyền truy tố và buộc tội bị cáo trước Toà án. Đại diện cho quan điểm này là các luật gia theo truyền thống pháp luật của Pháp. Theo họ, quyền công tố luôn gắn liền với hoạt động buộc tội nhân danh Nhà nước (nhân danh công quyền). Do vậy quyền công tố chỉ được thực hiện trong một lĩnh vực duy nhất, đó là lĩnh vực tố tụng hình sự. Chủ thể tham gia vào hoạt động thực hành quyền công tố chỉ bao gồm Cơ quan điều tra (Điều tra viên) và Cơ quan công tố (Công tố viên). Riêng quyền truy tố kẻ phạm tội ra Toà và thực hành quyền buộc tội nhân danh Nhà nước tại phiên toà chỉ thuộc về Cơ quan công tố. Quyền công tố được sử dụng để bảo vệ không chỉ các lợi ích công (lợi ích chung của toàn xã hội), mà cả lợi ích của cá nhân khi bị hành vi phạm tội xâm hại.

- Quan điểm thứ sáu cho rằng công tố là sự cáo buộc của Nhà nước đối với các cá nhân, tổ chức đã vi phạm pháp luật, bao gồm vi phạm Luật hành chính, Luật dân sự, Luật kinh tế và Luật hình sự; quyền công tố là quyền của Nhà nước thực hiện sự cáo buộc đó. Theo quan điểm này, quyền công tố chỉ thuộc Nhà nước; Nhà nước không thể không thực hiện quyền công tố khi chính Nhà nước là người ban hành pháp luật, người có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, và đồng thời là chủ thể tham gia vào nhiều quan hệ pháp luật khác nhau. Với tính cách là một quyền năng của Nhà nước, quyền công tố được thực hiện trong tất cả các quá trình giải quyết các vi phạm pháp luật: Tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng kinh tế, tố tụng lao động, tố tụng hành chính. Sự tồn tại quyền công tố trong các hoạt động tố tụng nêu trên là do nhu cầu khách quan, vì Nhà nước không thể không thực hiện quyền lực của mình trong việc giải quyết các vi

phạm pháp luật và sự hiện diện công tố như một điều kiện bảo đảm tính hiệu quả của việc giải quyết các vi phạm pháp luật của cơ quan tài phán. Như vậy, quyền công tố trong các hoạt động tố tụng được biểu hiện cụ thể ở các quyền của Viện kiểm sát như quyền khởi tố vụ án, quyền tham gia tố tụng ở bất cứ giai đoạn nào khi xét thấy cần thiết, quyền yêu cầu Cơ quan điều tra hoặc tự mình điều tra, xác minh những vấn đề cần làm sáng tỏ trong vụ án... Quyền công tố trong các hoạt động tố tụng khác nhau thì không giống nhau về nội dung và hình thức thực hiện. Trong tố tụng hình sự, thực hiện quyền công tố có nghĩa là Nhà nước thực hiện sự buộc tội đối với một con người phạm tội cụ thể, còn trong các hoạt động tố tụng khác, thực hành quyền công tố được hiểu là việc Nhà nước trực tiếp hay gián tiếp quy lỗi cho một người, một pháp nhân nào đó vi phạm pháp luật tương ứng.

- Quan điểm thứ bảy cho rằng, quyền công tố là quyền của Nhà nước đưa các việc làm vi phạm pháp luật liên quan đến lợi ích chung ra Toà để xét xử, vì Nhà nước nhân danh xã hội duy trì trật tự chung bằng pháp luật. Sự can thiệp của Nhà nước vào các việc phạm pháp nói trên là do nhu cầu duy trì mọi xung đột xã hội gắn với trật tự công cộng mà trách nhiệm của Nhà nước phải đứng ra điều hoà; đó là bản chất của quyền lực công. Quyền công tố là quyền Nhà nước nhân danh xã hội truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với những người có hành vi phạm tội hoặc hành vi vi phạm pháp luật, nhằm mục đích duy trì trật tự của cộng đồng, trật tự pháp luật, củng cố và phát triển các quan hệ xã hội. Như vậy quyền công tố không chỉ có trong lĩnh vực hình sự, mà còn có cả trong dân sự, hành chính, kinh tế, lao động.

Quan điểm thứ sáu và thứ bảy coi mọi việc đưa ra Toà án để giải quyết đều là do vi phạm pháp luật (liên quan đến trật tự xã hội chung). Trong thực tiễn, hoạt động của Toà án và Viện kiểm sát không phải lúc nào cũng nhằm truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với một người nào đó, mà có những trường hợp chỉ nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Ví dụ Viện kiểm sát tham gia với tư cách là Cơ quan tiến hành tố tụng trong các vụ

án dân sự, hành chính, lao động vì lợi ích chung hoặc liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần...Hoạt động trên của Viện kiểm sát hoàn toàn không phải là hoạt động thực hành quyền công tố, mà chỉ là hoạt động nhằm thực hiện các thẩm quyền luật định của Viện kiểm sát.

- Quan điểm thứ tám cho rằng, công tố quyền là quyền được hành xử nhân danh xã hội, vì lợi ích chung cho xã hội, với mục đích là Toà án tuyên một hình phạt đối với người phạm pháp. Đại diện cho quan điểm này là các luật gia miền Nam nước ta trước năm 1975. Theo quan điểm này thì “hành vi đưa các phạm nhân ra Toà để xét xử là sự truy tố. Cái quyền truy tố ấy là công tố quyền, vì là quyền của cộng đồng xã hội trừng trị kẻ phạm pháp qua các đại diện của xã hội và các Thẩm phán được giao phó nhiệm vụ xử hành công tố quyền là những Thẩm phán công tố” [16]. Họ phân biệt rõ khái niệm công tố quyền và dân tố quyền. Một tội phạm hình sự xảy ra, phát sinh tố quyền; tố quyền này nhân danh xã hội yêu cầu Toà án tuyên phán một biện pháp chế tài hình sự đối với vi phạm trật tự xã hội do tội phạm gây ra; đây gọi là công tố quyền. Nhưng tội phạm có thể làm phát sinh bên cạnh công tố quyền một tố quyền của tư nhân bị tội phạm gây thiệt hại, đó là quyền yêu cầu Toà án buộc kẻ phạm tội bồi thường thiệt hại cho mình; đó là dân tố quyền theo các luật gia miền Nam. Về bản chất, quyền công tố thuộc về xã hội; do đó phạm vi quyền công tố chỉ giới hạn trong tố tụng hình sự và trước Toà án.

Những quan điểm nêu trên về quyền công tố đều có sự hợp lý ở những khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên mỗi quan điểm đều có những nội dung còn bất cập, thể hiện:

- Hoặc là đánh đồng quyền công tố với các chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát, dẫn đến mở rộng phạm vi quyền công tố vượt khỏi lĩnh vực tố tụng hình sự sang các lĩnh vực tư pháp khác như dân sự, hành chính, kinh tế, lao động.

- Hoặc là coi quyền công tố chỉ là một quyền năng, một hình thức thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, dẫn đến việc xem nhẹ bản chất của quyền công tố như là hoạt động độc lập của Viện kiểm sát nhân danh quyền lực công.

- Hoặc là quá thu hẹp phạm vi quyền công tố, coi quyền công tố là quyền của Viện kiểm sát truy tố kẻ phạm tội ra Tòa án và thực hiện việc buộc tội tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

Mặt khác, các quan điểm đó đều có hạn chế là không phân định rõ ràng khái niệm, bản chất, nội dung, phạm vi quyền công tố, hoạt động thực hành quyền công tố và hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Nhiều quan điểm cho rằng hai chức năng của Viện kiểm sát (công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật) vừa có tính độc lập tương đối, vừa liên hệ chặt chẽ, tác động qua lại, bổ sung cho nhau, giữa chúng có những nội dung xâm nhập, đan xen lẫn nhau không thể tách rời; tạo nên sự thống nhất trong chức năng của Viện kiểm sát.

Bên cạnh đó, để đưa ra được quan niệm đúng về quyền công tố, cần phải xem xét nó trong mối liên hệ với tính đặc thù của một lĩnh vực pháp luật cụ thể. *“Quyền công tố chỉ có thể được xem xét trong mối liên hệ với lĩnh vực pháp luật mà từ cội nguồn lịch sử của nó đã gắn liền, không thể tách rời với việc nhân danh Nhà nước (nhân danh công quyền) chống lại hình thức vi phạm pháp luật nghiêm trọng (tội phạm), đó là lĩnh vực tố tụng hình sự”* [12, tr.37]. Tội phạm là vi phạm pháp luật nguy hiểm nhất; kẻ phạm tội xâm phạm trước hết đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích xã hội (an ninh, trật tự xã hội), sau đó mới đến lợi ích của người bị hại. Nhà nước nhân danh xã hội dành cho mình quyền trừng trị kẻ phạm tội.

Còn tố tụng dân sự thì đối tượng của nó là các tranh chấp dân sự liên quan đến lợi ích của từng cá nhân. Một trong những nguyên tắc đặc thù của tố tụng dân sự là nguyên tắc tự định đoạt của các đương sự. ý chí, lợi ích, sự tự thoả thuận của các đương sự quyết định sự xuất hiện, vận động và chấm dứt hoạt động tố tụng. Trong tố tụng dân sự, nghĩa vụ chứng minh trước hết thuộc về các

đương sự; trong khi cốt lõi của tố tụng hình sự là hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm phát hiện, khám phá tội phạm, xác định và xử lý kẻ phạm tội.

Trong hoạt động tố tụng hình sự luôn tồn tại ba chức năng tố tụng cơ bản, đó là chức năng buộc tội (kết quả điều tra xác minh hành vi phạm tội), chức năng bào chữa (gỡ tội) và chức năng xét xử.

Với tư cách là một chức năng tố tụng luôn nhằm chống lại một cá nhân cụ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, chức năng buộc tội thực chất chính là hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự đối với kẻ phạm tội. Trong chức năng buộc tội, hình thức buộc tội nhân danh Nhà nước (nhân danh quyền lực công) giữ vai trò là động lực của hoạt động tố tụng; nó thu hút hoạt động của tất cả các chủ thể tham gia vào hoạt động tố tụng hình sự. Khi đề cập đến vị trí, vai trò của Công tố viên thì các nhà làm luật nước ngoài thường gọi họ là “người buộc tội nhân danh Nhà nước”, dịch ra tiếng Việt là “công tố”.

Như vậy, có thể hiểu:

Quyền công tố là quyền nhân danh Nhà nước thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Quyền này thuộc về Nhà nước, được Nhà nước giao cho một cơ quan thực hiện (ở nước ta là cơ quan Viện kiểm sát) để phát hiện tội phạm và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Để làm được điều này, cơ quan có chức năng thực hành quyền công tố phải có trách nhiệm bảo đảm việc thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội. Trên cơ sở đó quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án và bảo vệ sự buộc tội đó trước phiên tòa [12].

Quan niệm này đã lột tả được bản chất của quyền công tố, đó là quyền năng đặc biệt của Nhà nước trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Từ những nội dung trình bày trên, có thể rút ra định nghĩa: *Quyền công tố là quyền nhân danh Nhà nước truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm*

tội, trên cơ sở bảo đảm việc thu thập đầy đủ chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội.

Với những phân tích và định nghĩa nêu trên, có thể xác định đối tượng, nội dung, phạm vi của quyền công tố như sau:

**** Đối tượng quyền công tố:***

Đối tượng quyền công tố là cái mà quyền công tố tác động vào, nhằm mục đích cuối cùng là buộc tội đối với người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm. Như vậy, đối tượng của quyền công tố chính là tội phạm và người phạm tội.

**** Nội dung quyền công tố:***

Nội dung của quyền công tố là sự buộc tội (sự cáo buộc của Nhà nước) đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm.

**** Phạm vi quyền công tố:***

Phạm vi quyền công tố bắt đầu từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đến khi tội phạm ấy bị xử lý theo trình tự pháp luật tố tụng hình sự. Về bản chất, quyền công tố xuất hiện đồng thời với thời điểm phát hiện tội phạm; quyền này chỉ kết thúc khi người thực hiện tội phạm đó bị áp dụng một chế tài hình sự do Tòa án tuyên.

1.2. Khái niệm và đặc điểm về thực hành quyền công tố

1.2.1. Khái niệm thực hành quyền công tố

Về khái niệm thực hành quyền công tố hiện nay cũng có nhiều quan điểm khác nhau, chẳng hạn: Có quan điểm đã đồng nhất quyền công tố với thực hành quyền công tố trên các phương diện về đối tượng, nội dung, phạm vi. Quan điểm khác lại gắn việc thực hành quyền công tố với việc thực hiện những nhiệm vụ khác của Công tố viên trong tố tụng hình sự. Có quan điểm mở rộng phạm vi quyền công tố được thực hiện trong một giai đoạn tố tụng hình sự bao gồm cả điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Quan điểm khác lại cho rằng thực hành quyền công tố là một số biện pháp pháp lý như lập cáo trạng và luận tội bị cáo

trước phiên toà sơ thẩm hình sự; thậm chí có quan điểm còn coi thực hành quyền công tố chỉ là việc buộc tội bị cáo trước phiên toà sơ thẩm.

Trong khi đó, Từ điển Luật học giải thích: “*Thực hành quyền công tố là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử*” [22, tr.188].

Trên cơ sở các quan niệm khác nhau về thực hành quyền công tố nêu trên, để làm rõ hơn khái niệm thực hành quyền công tố cần xuất phát từ những quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố mà pháp luật đã trao cho Viện kiểm sát; quyền năng pháp lý này được thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đối với kẻ phạm tội.

Pháp luật quy định một loạt những nhiệm vụ, quyền hạn nhằm xác lập cho Viện kiểm sát các quyền năng pháp lý cần thiết để thực hiện chức năng của mình trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử kẻ phạm tội, như khởi tố vụ án, bị can; yêu cầu điều tra; trực tiếp điều tra; áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn; giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra; quyết định truy tố bị can; đọc cáo trạng; luận tội đối với bị cáo; tranh luận với người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác; kiểm sát xét xử; kháng nghị...

Việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý của Viện kiểm sát nhân dân như nêu trên nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với kẻ phạm tội gọi là thực hành quyền công tố.

Vậy, *Thực hành quyền công tố là việc cơ quan nhà nước thẩm quyền tiến hành các hoạt động do Nhà nước quy định nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm.*

Mục đích của tố tụng hình sự đòi hỏi mọi tội phạm đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời theo pháp luật. Về lý luận, cứ có tội phạm xảy ra là phải có sự phát động của quyền công tố. Tuy nhiên trong thực tế, không phải tất cả tội phạm đều được phát hiện, xử lý triệt để; tức là việc khởi tố vụ án hình sự của

các cơ quan chức năng không thể bao trùm hết được số vụ án hình sự đã xảy ra trên thực tế.

Để thực hành quyền công tố trên thực tế, nhìn chung các quốc gia đều đưa ra những quy định về cơ quan chịu trách nhiệm thực hành quyền công tố, cũng như phạm vi quyền hạn của những cơ quan này. Tùy theo pháp luật mỗi quốc gia mà cơ quan thực hành quyền công tố và phạm vi thực hành quyền công tố có thể khác nhau, nhưng tựu chung lại, pháp luật về thực hành quyền công tố có thể hiểu là hệ thống những quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm xác lập quyền năng pháp lý cho Cơ quan thực hành quyền công tố; đồng thời điều chỉnh các mối quan hệ giữa cơ quan này với các cơ quan tiến hành tố tụng khác, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, với mục đích cuối cùng là truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, trên cơ sở đảm bảo quy trình chặt chẽ về việc chứng minh tội phạm.

1.2.2. Đặc điểm quyền công tố và thực hành quyền công tố

Thực hành quyền công tố là việc cơ quan nhà nước thẩm quyền tiến hành các hoạt động do Nhà nước quy định nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm. Từ định nghĩa về thực hành quyền công tố, có thể nhận thấy đây là một nhánh quyền lực rất quan trọng, và có những đặc điểm riêng để phân biệt với những loại quyền lực nhà nước khác.

Thứ nhất, quyền công tố là quyền lực thuộc về Nhà nước, được Nhà nước giao cho một cơ quan thực hiện. Ở nước ta, theo các quy định của pháp luật thực định, cụ thể tại khoản 1, Điều 107 Hiến pháp năm 2013 có quy định: “*Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp*” và Điều 2 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 cũng quy định: “*Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”. Như vậy, thực hành quyền công tố

là một trong hai chức năng hiến định mà Viện kiểm sát nhân dân được Nhà nước giao phó.

Thứ hai, quyền công tố là một quyền có giới hạn về phạm vi. Phạm vi thực hành quyền công tố bắt đầu từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị hoặc kết thúc khi vụ án bị đình chỉ. Tại khoản 1, Điều 3 Luật tố chức Viện kiểm sát nhân dân 2014 xác định: *“Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự”*. Theo đó, Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố của mình trong những lĩnh vực như: Thực hành quyền công tố trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; Thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự; Thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố tội phạm; Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự; Điều tra một số loại tội phạm; Thực hành quyền công tố trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự.

Thứ ba, quyền công tố có nội dung được xác định. Nội dung thực hành quyền công tố là việc sử dụng tất cả những quyền năng tố tụng nhằm bảo đảm phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người không có tội. Theo đó, nội dung thực hành quyền công tố bao gồm:

- Khởi tố bị can: Để có được quyết định khởi tố bị can, cơ quan công tố phải khởi tố vụ án và điều tra, xác minh.

- Truy tố bị can ra trước tòa án trên cơ sở kết quả điều tra vụ án và chứng minh được người phạm tội.

- Buộc tội bị cáo và bảo vệ sự buộc tội trước phiên tòa bằng cách công bố bản cáo trạng, tham gia xét hỏi, trình bày lời luận tội và tranh luận trước phiên tòa

sơ thẩm; nếu vụ án bị kháng cáo hoặc kháng nghị thì có mặt để tham gia xét hỏi và trình bày lời kết luận về kháng cáo, kháng nghị trước phiên tòa phúc thẩm.

Thứ tư, hoạt động thực hành quyền công tố thì chỉ xuất hiện khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kết thúc khi tội phạm ấy đã bị xử lý bởi Tòa án hoặc được đình chỉ theo quy định của pháp luật. Điều này khác so với quyền công tố nói chung, quyền công tố xuất hiện đồng thời với việc xuất hiện tội phạm và kết thúc khi tội phạm ấy đã bị xử lý bởi Tòa án. Quyền công tố và thực hành quyền công tố là hai khái niệm khác nhau. Quyền công tố là quyền của Nhà nước, nhân danh quyền lực công thực hiện việc truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Nói đến quyền công tố là nói đến một phạm trù lý luận. Ngược lại, thực hành quyền công tố lại là một phạm trù thực tiễn, là việc tổ chức thực hiện quyền công tố.

1.3. Lịch sử hình thành và phát triển quyền công tố trong tố tụng hình sự Việt Nam trước năm 2003

Cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công, ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa- Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Bản Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện chính trị, pháp lý, lịch sử quan trọng, đánh dấu một chương mới trong lịch sử dân tộc; đồng thời là cơ sở để sau này hàng loạt các thiết chế của một Nhà nước mới được hình thành.

Ngay sau khi giành độc lập, Chủ tịch nước đã ký Sắc lệnh số 13C-SL ngày 13/9/1945. Đây là văn bản pháp luật đầu tiên quy định về Tòa án quân sự- cơ quan xét xử duy nhất tại Việt Nam; đồng thời quy định chức năng công tố (buộc tội) như sau: “*Đứng buộc tội là một Ủy viên quân sự hay một Ủy viên của Ban trình sát*”. Như vậy, chỉ 11 ngày sau khi ra đời, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã thiết lập cơ quan tư pháp, trong đó phôi thai xuất hiện cơ quan thực hành quyền công tố (cơ quan buộc tội).

Ngày 9/01/1946, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam đã được Quốc hội thông qua. Đây là một văn bản pháp lý quan trọng quy định cơ cấu tổ chức Nhà nước nói chung và hệ thống các cơ quan tư pháp nói riêng. Theo Điều 63 của Hiến pháp 1946, cơ quan tư pháp gồm có: Tòa án tối cao, các Tòa án phúc thẩm, các Tòa án đệ nhị cấp và sơ cấp. Tiếp theo, một loạt các văn bản pháp luật quan trọng được ban hành, quy định về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, trong đó có bộ phận thực hành quyền công tố như: Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 quy định tổ chức các Tòa án và các ngạch thẩm phán; Sắc lệnh số 51 ngày 17/4/1946 quy định thẩm quyền các Tòa án và sự phân công giữa các nhân viên trong Tòa án và nhân viên Công tố viện; Sắc lệnh số 130 ngày 19/7/1946 quy định thể thức thi hành án; Sắc lệnh số 131 ngày 20/7/1946 quy định về tổ chức Tư pháp công an; Thông tư số 772/TTg ngày 15/5/1956 quy định việc kiện toàn các cơ quan tư pháp...

Theo nội dung các văn bản pháp luật nói trên, Tòa án, Tư pháp công an và Tổ chức công tố được quy định như sau:

- Tổ chức Tòa án có 3 cấp: Tòa án sơ cấp (Tòa án ở các quận); Tòa án đệ nhị cấp (Tòa án ở các tỉnh); Tòa thượng thẩm (ở 3 kỳ Bắc, Trung, Nam).

- Tổ chức công tố nằm trong Tòa án: Mỗi Tòa thượng thẩm có một Chương lý, một hay nhiều Phó trưởng lý, nhiều tham lý. Khi xét xử, Chương lý hoặc Phó Chương lý hoặc Tham lý ngồi ghế Công tố viên.

- Chánh án có quyền điều khiển và kiểm soát tất cả nhân viên khác trong Tòa án, trừ các Thẩm phán buộc tội.

- Thẩm phán được chia làm 2 loại: Thẩm phán xét xử và Thẩm phán buộc tội. Thẩm phán buộc tội gồm có các Chương lý, Phó trưởng lý, Tham lý (ở Tòa thượng thẩm), Biện lý (ở Tòa đệ nhị cấp); đối với Tòa sơ cấp, Thẩm phán xét xử đồng thời thực hiện cả chức năng buộc tội.

- Về phương diện Tư pháp công an: Tất cả Tư pháp công an, ủy viên Tư pháp công an đều đặt dưới quyền kiểm soát của Chương lý Tòa thượng thẩm. Công

tổ có trách nhiệm phụ trách Tư pháp công an và các cơ quan được giao nhiệm vụ điều tra. Việc bổ nhiệm, thăng thưởng và xử phạt hành chính những Ủy viên Tư pháp công an phải trên cơ sở ý kiến đồng ý của Biện lý và Chương lý.

- Ở Toà sơ cấp, Thẩm phán sơ cấp dưới quyền chỉ huy của ông Biện lý Toà án tỉnh. ở Toà đệ nhị cấp, ông Biện lý có hai nhiệm vụ chính là Tư pháp cảnh sát và công tố. ở Toà thượng thẩm, Chương lý điều hành, phân công công việc...; Phó trưởng lý, Tham lý có nhiệm vụ thực hành quyền công tố trước Toà thượng thẩm. Biện lý có quyền đình cứu một vụ việc, đưa xét xử, đưa ra phòng dự thẩm để thẩm cứu và điều tra. Biện lý phải có mặt tại phiên tòa hình và hộ; Chương lý và các Công tố viên có quyền phát ngôn ở những phiên tòa Hộ và Hình ở Toà thượng thẩm...

Như vậy, mặc dù nằm trong Toà án nhưng các Thẩm phán buộc tội là một bộ phận riêng và hoạt động độc lập với Thẩm phán xét xử. Tùy theo từng cấp, Công tố viện phụ trách trực tiếp và có quyền ra chỉ thị, kiểm soát công việc của các Ủy viên Tư pháp công an; Công tố viện đảm nhiệm việc thực hành quyền công tố trước Toà án và đốc thúc việc thi hành án...

Năm 1950, qua cuộc tập huấn chính trị, trên cơ sở học tập mô hình tổ chức các cơ quan tư pháp của Pháp, đã mở đường cho cải cách tư pháp lần thứ nhất (1950-1958). Trong thời gian này, một loạt văn bản pháp luật mới được ban hành, trong đó có các văn bản quy định về cơ quan tư pháp và hoạt động tư pháp. Nội dung chính thể hiện tư tưởng cải cách tư pháp là: Đổi tên Toà án sơ cấp thành Toà án nhân dân huyện, Toà án đệ nhị cấp thành Toà án nhân dân tỉnh, Hội đồng phúc án thành Toà phúc thẩm, Phụ thẩm nhân dân thành Hội thẩm nhân dân; việc xử án có Hội thẩm nhân dân tham gia và chiếm đa số; Công tố viện có quyền kháng cáo cả việc hộ và việc hình; Quyền công tố nhà nước được giao cho các Công tố ủy viên Toà án nhân dân tỉnh trở lên (Viện trưởng), Phó công tố ủy viên và các Thẩm phán công tố thực hiện; Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp có quyền điều hành công việc của Công tố viện;

Trong phiên họp ngày 29/4/1958, trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm trong nước và học tập kinh nghiệm của Trung Quốc, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã ra Nghị quyết thành lập hệ thống Viện công tố và hệ thống Toà án tách khỏi Bộ Tư pháp; đặt Viện Công tố Trung ương trực thuộc Hội đồng Chính phủ, có trách nhiệm và quyền hạn như một Bộ. Đây là một sự kiện vô cùng quan trọng trong lịch sử phát triển của nền tư pháp Việt Nam, là cơ sở cho việc tiến hành cải cách tư pháp một cách sâu rộng cho những năm tiếp theo. Ngày 01/7/1959 Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 256-TTg, quy định nhiệm vụ và tổ chức của Viện công tố. Hệ thống Viện công tố được thành lập bao gồm Viện công tố Trung ương, Viện công tố địa phương các cấp và Viện công tố quân sự các cấp. Ngày 6/8/1959 Viện trưởng Viện công tố Trung ương đã ban hành Thông tư số 601-TCCB, giải thích và hướng dẫn thi hành Nghị định số 256-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 27/8/1959 Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 321-TTg, thành lập các Viện công tố phúc thẩm và Viện công tố các cấp.

Giai đoạn này, nhiệm vụ chung của Viện công tố là giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước, truy tố theo luật hình những kẻ phạm pháp để bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân, giữ gìn trật tự an ninh... Nhiệm vụ cụ thể của Viện công tố là: Điều tra và truy tố trước Toà án những kẻ phạm pháp về hình sự; giám sát việc chấp hành luật pháp trong công tác điều tra của Cơ quan điều tra; giám sát việc chấp hành luật pháp trong việc xét xử của các Toà án; giám sát việc chấp hành luật pháp trong việc thi hành các bản án về hình sự, dân sự và trong hoạt động của cơ quan giam giữ cải tạo; khởi tố và tham gia tố tụng trong những vụ án dân sự quan trọng có liên quan đến lợi ích của Nhà nước và của công dân. Tổ chức của Viện công tố gồm: Viện công tố Trung ương; Viện công tố địa phương các cấp (cấp tỉnh và cấp huyện); Viện công tố quân sự các cấp.

Từ năm 1960, trên cơ sở Hiến pháp 1959, Viện kiểm sát nhân dân ra đời. Theo đó, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960 có hiệu lực đã quy

định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân. Lần đầu tiên trong lịch sử Bộ máy nhà nước ta, Viện kiểm sát được quy định thành một cơ quan phù hợp với Hiến pháp. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960 gồm 6 chương, 25 điều, đã cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân. Theo đó, ngoài chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau: Điều tra những việc phạm pháp về hình sự và truy tố trước Toà án nhân dân những người phạm pháp về hình sự...

Tháng 02/1967, tại Hội nghị tổng kết công tác ngành Kiểm sát, đồng chí Trường Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã nói: “Không có cơ quan nhà nước nào thay thế ngành Kiểm sát để sử dụng quyền công tố. Bắt, giam, điều tra, truy tố, xét xử có đúng người, đúng tội, đúng pháp luật hay không, có đúng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước hay không, điều đó chính Viện kiểm sát phải trông nom, bảo đảm làm tốt”. Cho đến nay, kết luận này vẫn là định hướng quan trọng cho hoạt động kiểm sát.

Hiến pháp năm 1980 ra đời, nước ta được đổi tên thành Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Lần đầu tiên Hiến pháp quy định thực hành quyền công tố là chức năng của Viện kiểm sát nhân dân. Đây là một sự kiện pháp lý quan trọng để Viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng của mình. Điều 138 Hiến pháp quy định:

Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các Bộ và cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, các cơ quan chính quyền địa phương, tổ chức xã hội và đơn vị vũ trang nhân dân, các nhân viên Nhà nước và công dân, thực hành quyền công tố, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố trong phạm vi trách nhiệm của mình [24].

Theo quy định của Hiến pháp năm 1980 thì Viện kiểm sát nhân dân vừa kiểm sát việc tuân theo pháp luật, vừa thực hành quyền công tố. Đây là bước phát triển mới so với Hiến pháp năm 1959 (Hiến pháp năm 1959 không quy định nội dung thực hành quyền công tố).

Năm 1981, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ra đời, quy định nhiều điểm mới, tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ cho các khâu công tác kiểm sát, đặt nền tảng cho Viện kiểm sát nhân dân trong việc thực hiện chức năng và tạo cơ sở cho việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống Viện kiểm sát trong phạm vi cả nước.

Tại kỳ họp thứ ba, Quốc hội khoá VIII (ngày 28/6/1988), Bộ luật tố tụng hình sự đầu tiên của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ban hành. Bộ luật tố tụng hình sự quy định trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng và của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân.

Về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát, Bộ luật quy định: Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố, bảo đảm việc điều tra được khách quan, toàn diện và đầy đủ; áp dụng mọi biện pháp do Bộ luật này quy định để mọi hành vi phạm tội đều được điều tra và xử lý kịp thời, không để lọt người phạm tội...

Hiến pháp năm 1992 và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1992 quy định: Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan khác thuộc Chính phủ..., thực hành quyền công tố, đảm bảo cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất... Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất trong ngành, do Viện trưởng lãnh đạo.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá XII chỉ rõ: "...cần sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân theo hướng

Viện kiểm sát nhân dân chỉ thực hiện quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp...” [6]. Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị ghi: “Viện kiểm sát các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng...” [28].

Để thể chế những nội dung quan trọng của các Nghị quyết nêu trên về cải cách tư pháp, Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi) đã điều chỉnh một bước về chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát. Theo đó, Viện kiểm sát thôi không thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực hành chính, kinh tế, xã hội; đồng thời nhấn mạnh việc tăng cường chức năng thực hành quyền công tố và ghi nhận chức năng kiểm sát các hoạt động tư pháp.

Về mặt lý luận, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002 đã có bước phát triển tiến bộ, khẳng định rõ hai chức năng của Viện kiểm sát là thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Để tạo điều kiện cho Viện kiểm sát nhân dân chủ động thực hành quyền công tố ngay từ đầu, Luật mới đã quy định trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong việc tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm và thực hiện việc thống kê tội phạm. Công tác thực hành quyền công tố trong các giai đoạn điều tra, xét xử đã được phân định rạch ròi và đầy đủ, chi tiết hơn.

Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã thể hiện sâu sắc những tư tưởng mới về cải cách tư pháp hình sự. Đối với Viện kiểm sát, Bộ luật quy định cụ thể như sau: Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự, quyết định việc truy tố người phạm tội ra trước Toà án...; nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, pháp luật về quyền công tố luôn không ngừng được hoàn thiện, dần đáp ứng yêu cầu truy cứu trách nhiệm

hình sự đối với người phạm tội, góp phần giữ vững trật tự, kỷ cương xã hội. Hiện nay, nội dung về thực hành quyền công tố khi giải quyết các vụ án hình sự được ghi nhận trước hết trong Hiến pháp 2013 và được cụ thể hóa trong Bộ luật tố tụng hình sự 2015, cũng như Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014.

Cụ thể, Tại khoản 1, Điều 107 Hiến pháp năm 2013 có quy định: “*Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp*” và Điều 2 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 cũng quy định: “*Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”. Về bản chất, thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự (khoản 1, Điều 3 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014).

1.4. Những quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về thực hành quyền công tố khi giải quyết các vụ án hình sự

Nội dung thực hành quyền công tố được quy định chi tiết trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bao gồm việc thực hành quyền công tố trong các giai đoạn: tin báo, khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử.

1.4.1. Trong giai đoạn tin báo

Tin báo về tội phạm là thông tin về vụ việc có dấu hiệu tội phạm do cơ quan, tổ chức, cá nhân thông báo với cơ quan có thẩm quyền hoặc thông tin về tội phạm trên phương tiện thông tin đại chúng. Quy định về quyền công tố của VKSND trong giai đoạn tin báo là một trong những điểm mới cơ bản của BLTTHS năm 2015. Viện kiểm sát là một trong những đầu mối quan trọng nhất trong việc tiếp nhận thông tin tố giác, tin báo về tội phạm cũng như kiến nghị khởi tố, cụ thể, theo quy định tại Khoản 2, Điều 145, BLTTHS năm 2015: “a)

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố;”

Đồng thời, khoản 3, điều 145, BLTTHS năm 2015 cũng có quy định về trách nhiệm của VKSND trong việc tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo như sau: “*c) Viện kiểm sát giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong trường hợp phát hiện Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục.*” Trường hợp này thì trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Viện kiểm sát có yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền đang thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đó phải chuyển hồ sơ có liên quan cho Viện kiểm sát để xem xét, giải quyết.

Điều 146, BLTTHS năm 2015 cũng quy định rất rõ trách nhiệm của VKSND khi nhận bàn giao, tiếp nhận việc tố giác, báo tin về tội phạm, đó là phải lập biên bản tiếp nhận và ghi vào sổ tiếp nhận; có thể ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc tiếp nhận. Trường hợp tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố gửi qua dịch vụ bưu chính, điện thoại hoặc qua phương tiện thông tin khác thì ghi vào sổ tiếp nhận. Nếu tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì Viện kiểm sát có trách nhiệm chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố kèm theo tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Thời hạn giải quyết, xem xét tin báo cũng được làm rõ, đó là trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải kiểm tra, xác minh và ra một trong các quyết định: (i) Quyết định khởi tố vụ án hình sự; hoặc (ii) Quyết định không khởi tố vụ án hình sự; hoặc (iii) Quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến

ngộ khởi tố. Trong trường hợp vụ việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố có thể kéo dài nhưng không quá 02 tháng.

Như vậy, BLTTHS năm 2015 đã có những bước tiến lớn trong việc quy định về vai trò, quyền hạn của Viện kiểm sát trong việc thực hiện quyền công tố ở giai đoạn tin báo.

1.4.2. Trong giai đoạn khởi tố

Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn mở đầu của tố tụng hình sự, trong đó Nhà nước (ủy quyền cho cơ quan thực hành quyền công tố) chính thức công khai trước toàn xã hội về việc có tội phạm xảy ra và bắt đầu triển khai các hoạt động thực hành quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người đã thực hiện tội phạm đó.

Trong tố tụng hình sự, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Pháp luật tố tụng hình sự quy định: Khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm khởi tố vụ án và áp dụng các biện pháp do Bộ luật này quy định để xác định tội phạm và xử lý người phạm tội.

Khởi tố vụ án là giai đoạn đầu tiên của tố tụng hình sự. Giai đoạn này bắt đầu từ khi Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, đơn vị Bộ đội biên phòng, Cơ quan hải quan, Kiểm lâm và các cơ quan có thẩm quyền khác nhận được tin báo hoặc tố giác về tội phạm, hoặc trực tiếp phát hiện dấu hiệu của tội phạm và kết thúc bằng việc cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

Việc khởi tố vụ án hình sự đòi hỏi phải có căn cứ, đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 153, BLTTHS năm 2015, Viện kiểm sát ra quyết định khởi tố vụ án hình sự trong những trường hợp sau:

“a) Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; b) Viện kiểm sát trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; c) Viện kiểm sát trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội phạm hoặc theo yêu cầu khởi tố của Hội đồng xét xử.” hoặc theo yêu cầu của Hội đồng xét xử “nếu qua việc xét xử tại phiên tòa mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm.”

Để thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát có những nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Phạm vi thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố vụ án hình sự gồm có những nội dung sau:

“a) Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự;

b) Hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ và trái pháp luật;

c) Trường hợp quyết định khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử không có căn cứ thì Viện kiểm sát kháng nghị lên Tòa án trên một cấp;

d) Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự trong các trường hợp do Bộ luật này quy định;

đ) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác để thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật này.”[4]

Có thể thấy rằng, phạm vi quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn khởi tố được quy định rất rõ ràng trong BLTTHS năm 2015 so với BLTTHS năm 2003. Và mặc dù hiện nay ở nước ta nhiều cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự nhưng chỉ Viện kiểm sát mới là cơ quan duy nhất thực hành quyền công tố. Do đó, mọi quyết định khởi tố vụ án hình sự của các cơ quan khác không hoàn toàn độc lập; các quyết định này chỉ thực sự có hiệu lực sau khi đã được Viện kiểm sát xem xét, quyết định. Có nghĩa là việc khởi tố

hay không khởi tố vụ án hình sự là do Cơ quan thực hành quyền công tố (Viện kiểm sát) quyết định.

1.4.3. Trong giai đoạn điều tra

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để thực hiện việc truy cứu TNHS đối với người phạm tội trong giai đoạn tố tụng trước xét xử sơ thẩm. Trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự, phạm vi thực hành quyền công tố bắt đầu từ khi khởi tố vụ án và kết thúc khi Viện kiểm sát quyết định việc truy tố hoặc không truy tố người phạm tội ra Tòa, hoặc khi vụ án được đình chỉ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Mục đích của hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra là nhằm chứng minh tội phạm và người phạm tội, cũng như các hành vi phạm tội của họ. Hoạt động này phải hết sức đầy đủ, chính xác, khách quan theo đúng các trình tự, thủ tục, nội dung do pháp luật quy định. Giai đoạn này Viện kiểm sát giữ vai trò chủ đạo: Có trách nhiệm áp dụng các biện pháp do Bộ luật tố tụng hình sự quy định nhằm đảm bảo cho việc điều tra, truy tố được kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả, không để lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội, bảo đảm cho hoạt động điều tra được tiến hành đúng quy định của pháp luật. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự được quy định tại Điều 165 BLTTHS năm 2015. Cụ thể bao gồm những nội dung sau:

- Yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can
- Phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật
- Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can trong các trường hợp do Bộ luật này quy định

- Phê chuẩn, không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

- Phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định tố tụng khác không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật này

- Hủy bỏ các quyết định tố tụng không có căn cứ và trái pháp luật của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trường hợp không phê chuẩn hoặc hủy bỏ thì trong quyết định không phê chuẩn hoặc hủy bỏ phải nêu rõ lý do

- Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của Bộ luật này

- Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội

- Yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

- Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà Viện kiểm sát đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố

- Khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm

- Yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm

- Quyết định việc gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam

- Quyết định chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh

- Hủy bỏ quyết định tách, nhập vụ án

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc thực hành quyền công tố theo quy định của Bộ luật này.

Như vậy, trong giai đoạn điều tra, mặc dù Cơ quan điều tra trực tiếp tiến hành các hoạt động điều tra là chủ yếu (trừ những trường hợp cần thiết thì Viện kiểm sát trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra), nhưng nhìn một cách toàn diện và xét đến cùng, Viện kiểm sát là cơ quan có vai trò chủ đạo, quyết định và chịu trách nhiệm đến cùng về toàn bộ quá trình thực hành quyền công tố. Nội dung thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra còn thể hiện qua các quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát và Kiểm sát viên. Theo pháp luật hiện hành, Viện trưởng Viện kiểm sát có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo và quán xuyến toàn bộ hoạt động thực hành quyền công tố, quyết định những vấn đề quan trọng nhất đối với việc giải quyết vụ án hình sự như: Quyết định khởi tố vụ án, quyết định không khởi tố vụ án; quyết định khởi tố bị can; yêu cầu Cơ quan điều tra khởi tố hoặc thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; yêu cầu Thủ trưởng Cơ quan điều tra thay đổi Điều tra viên; quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn; quyết định gia hạn điều tra, quyết định gia hạn tạm giam; yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can; quyết định phê chuẩn, quyết định không phê chuẩn các quyết định của Cơ quan điều tra; quyết định chuyển vụ án; quyết định việc truy tố, quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, quyết định trưng cầu giám định...(khoản 2 Điều 36 BLTTHS năm 2015). Về

nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên, Điều 37 BLTTHS quy định: Kiểm sát viên có quyền và nhiệm vụ kiểm sát chặt chẽ việc chấp hành các thủ tục về khởi tố, về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, về việc lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra; đề ra các yêu cầu điều tra; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra khi cần thiết...

Tóm lại, toàn bộ quá trình điều tra (các hoạt động điều tra cụ thể; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn; việc đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra, phục hồi điều tra, truy nã bị can; quyết định truy tố...), Viện kiểm sát là cơ quan tiến hành tố tụng có vai trò chủ đạo và quyết định.

1.4.4. Trong giai đoạn truy tố

Truy tố là giai đoạn thứ ba của hoạt động tố tụng hình sự, mà trong đó Viện kiểm sát căn cứ vào các quy định của pháp luật tố tụng hình sự để tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm đánh giá một cách toàn diện, khách qua các tài liệu của vụ án hình sự (bao gồm cả kết luận điều tra và quyết định đề nghị truy tố) do Cơ quan điều tra chuyển đến và trên cơ sở đó Viện kiểm sát ra quyết định truy tố bị can trước Tòa án bằng bản cáo trạng (kết luận về tội trạng) hay trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc đình chỉ hay tạm đình chỉ vụ án hình sự.

Để thực hiện quyền công tố trong giai đoạn truy tố, pháp luật tố tụng hình sự, mà cụ thể là theo quy định tại Điều 236, BLTTHS năm 2015 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố gồm có:

- Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế
- Yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can
- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án trong trường hợp cần thiết

- Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố hoặc khi Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung mà xét thấy không cần thiết phải trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra

- Quyết định khởi tố, quyết định thay đổi, quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can trong trường hợp phát hiện còn có hành vi phạm tội, người phạm tội khác trong vụ án chưa được khởi tố, điều tra

- Quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để yêu cầu điều tra bổ sung; Quyết định tách, nhập vụ án

- Chuyển vụ án để truy tố theo thẩm quyền, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh

- Quyết định gia hạn, không gia hạn thời hạn truy tố, thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

- Quyết định truy tố

- Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án

- quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can

- quyết định phục hồi vụ án, quyết định phục hồi vụ án đối với bị can

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác để quyết định việc truy tố theo quy định của BLTTHS năm 2015.

Có thể thấy rằng, truy tố là chức năng quan trọng của Viện kiểm sát nhằm áp dụng các biện pháp cần thiết do luật định. Mặt khác, quyết định truy tố của Viện kiểm sát thông qua bản cáo trạng thể hiện hoạt động chứng minh trên cơ sở các tài liệu của hồ sơ của vụ án (nhất là kết luận điều tra) tính chất lỗi của hành vi phạm tội, lỗi của bị cáo trong việc thực hiện tội phạm để góp phần có hiệu quả trong việc chuẩn bị cho giai đoạn xét xử của Tòa án, loại trừ những thiếu sót hoặc hậu quả tiêu cực tiếp theo có thể xảy ra do việc xét xử thiếu công minh, vô căn cứ và không đúng pháp luật, tránh bỏ lọt tội phạm và làm oan những người vô tội.

1.4.5. Trong giai đoạn xét xử

Xét xử là giai đoạn điều tra công khai, trực diện, có sự tham gia của nhiều cơ quan tiến hành tố tụng và nhiều người tiến hành tố tụng. Đây là giai đoạn chuyển hoá toàn bộ chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, kết hợp với thẩm vấn và tranh luận trực tiếp tại phiên toà, nhằm mục đích chứng minh tội phạm và người phạm tội.

Nội dung thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử các vụ án hình sự được quy định tại Điều 266 BLTTHS năm 2015. Giai đoạn này, Viện kiểm sát thay mặt Nhà nước thực hành quyền công tố bằng sự tham gia trực tiếp vào quá trình xét xử vụ án. Đây là một hoạt động tố tụng trực tiếp nằm trong hoạt động thực hành quyền công tố- quyền nhân danh Nhà nước, nhân danh cộng đồng xã hội để thực hiện việc cáo buộc đối với người phạm tội trước Toà án. Theo trình tự pháp luật quy định, trước khi tiến hành xét hỏi, Kiểm sát viên đọc Bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung (nếu có). Tiếp đó, Kiểm sát viên tham gia xét hỏi cùng với Hội đồng xét xử; luận tội bị cáo; đưa ra lập luận; tranh luận với luật sư, đáp lại những ý kiến có liên quan đến vụ án của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác...

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát thể hiện rõ nội dung vụ án, kết quả của việc điều tra; đánh giá, phân tích những chứng cứ buộc tội, gỡ tội, những thiệt hại đã xảy ra, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; lý lịch, nhân thân, tiền án, tiền sự của bị cáo...; quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật cụ thể...

Trong quá trình xét hỏi, tất cả các tài liệu, chứng cứ, vật chứng...được thẩm tra lại tính có căn cứ, tính hợp pháp nhằm chuyển hoá từ chứng cứ tố tụng sang chứng minh tội phạm. Giai đoạn này, Kiểm sát viên theo dõi, ghi chép đầy đủ diễn biến của phiên toà; chủ động thẩm vấn, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến tội trạng của bị cáo mà Hội đồng xét xử chưa làm rõ, hoặc bị cáo chối tội...

Kết thúc xét hỏi, Kiểm sát viên chuyển sang phần luận tội bị cáo. Bản luận tội đánh giá những chứng cứ buộc tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; những vấn đề về vai trò, trách nhiệm và nhân thân bị cáo; nguyên nhân, điều kiện phạm tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm; thủ đoạn phạm tội, hậu quả xảy ra... và các điều, khoản áp dụng đối với bị cáo. Đây là hoạt động có ý nghĩa hết sức quan trọng- là quá trình tổng kết, đúc rút, so sánh những tài liệu trong giai đoạn điều tra ban đầu với quá trình thẩm vấn công khai tại phiên toà, giúp cho Hội đồng xét xử xác định, đánh giá tính đúng đắn vụ án.

Sau phần luận tội là tranh luận: Kiểm sát viên đưa ra ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình, cũng như bác bỏ những quan điểm của bị cáo, người bào chữa hoặc những người tham gia tố tụng khác, nếu quan điểm đó thiếu căn cứ, không chính xác...

Đối với phiên toà phúc thẩm, sự tham gia của Kiểm sát viên cùng cấp là bắt buộc, nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì phải hoãn phiên toà. Trước khi xét xử hoặc trong khi xét hỏi tại phiên toà, Kiểm sát viên có thể bổ sung chứng cứ mới. Sau khi Hội đồng xét xử trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo, kháng nghị thì chuyển sang tranh luận; Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án...

Như vậy, theo quy định của pháp luật thực định, thì nội dung thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự rất phức tạp và phong phú. Kết quả các hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn này có ý nghĩa rất quan trọng đối với Toà án trong việc ra một bản án chính xác, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Kết luận chương 1

Quyền công tố là một trong những quyền năng rất quan trọng thuộc về nhà nước, dần được hình thành và hoàn thiện cùng với sự phát triển của nhà nước. Nhờ có quyền này, Nhà nước thực hiện việc truy cứu TNHS đối với người

phạm tội. Thực hành quyền công tố được hiểu là việc cơ quan nhà nước thẩm quyền tiến hành các hoạt động do Nhà nước quy định nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm. Thực hành quyền công tố là hoạt động quan trọng trong công tác đấu tranh chống tội phạm. Đối với mỗi quốc gia khác nhau, cơ quan thực hiện quyền công tố, quy trình thực thi quyền công tố cũng có thể khác nhau. Ở nước ta, theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát là cơ quan được Nhà nước giao chức năng thực hành quyền công tố. Hoạt động thực hành quyền công tố hiện nay có thể được xem xét trong từng giai đoạn của tố tụng hình sự, đó là các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Trong từng giai đoạn này, Viện kiểm sát thực hiện những quyền công tố được luật định, chẳng hạn như: Phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật; Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; trong phiên tòa, Viện kiểm sát đưa ra ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình, cũng như bác bỏ những quan điểm của bị cáo, người bào chữa hoặc những người tham gia tố tụng khác, nếu quan điểm đó thiếu căn cứ, không chính xác... Nhìn chung, nội dung thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát rất phức tạp và phong phú, cần có sự nghiên cứu kỹ lưỡng và áp dụng linh hoạt.

Chương 2

NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

2.1. Khái quát về tình hình huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

2.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Huyện Tiên Du nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Bắc Ninh với tổng diện tích 108,2km², phía Đông tiếp giáp huyện Quế Võ, phía Tây Nam tiếp giáp thị xã Từ Sơn, phía Tây giáp huyện Yên Phong. Tiên Du là vùng đất có bề dày lịch sử văn hóa lâu đời, từng là trung tâm của Phật giáo Việt Nam, là trung tâm của vùng dân ca quan họ. Thời nhà Nguyễn, Tiên Du thuộc phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc. Năm 1831, là huyện của tỉnh Bắc Ninh. Ngày 14/3/1962, huyện Tiên Du hợp nhất với huyện Từ Sơn thành huyện Tiên Du, thuộc tỉnh Hà Bắc. Ngày 09/8/1999, huyện Tiên Du lại tách thành hai huyện Tiên Du và Từ Sơn, đồng thời tỉnh Hà Bắc cũng tách thành hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang. Huyện Tiên Du thuộc tỉnh Bắc Ninh cho tới ngày nay. Năm 2007, hai xã Khắc Niệm và Hạp Lĩnh của huyện Tiên Du sát nhập vào thành phố Bắc Ninh. Hiện nay, huyện Tiên Du có 14 đơn vị hành chính gồm: 01 thị trấn (*thị trấn Lim*) và 13 xã (*xã Liên Bảo, xã Đại Đồng, xã Phật Tích, xã Hiên Vân, xã Lạc Vệ, xã Nội Duệ, xã Tri Phương, xã Hoàn Sơn, xã Tân Chi, xã Minh Đạo, xã Cảnh Hưng, xã Việt Đoàn, xã Phú Lâm*). Dân số huyện Tiên Du theo thống kê năm 2011 là 126.326 người.

Trên địa bàn huyện có 3 tuyến quốc lộ 1A, 1B, 38, tỉnh lộ 276, 295 và đường sắt chạy qua nối liền với thành phố Bắc Ninh, thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận. Với vị trí địa lý như vậy Tiên Du có đủ điều kiện để phát huy tiềm năng đất đai cũng như các nguồn lực khác, tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội, hòa nhập với nền kinh tế thị trường, phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ.

Về cơ cấu kinh tế, hiện nay huyện Tiên Du tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và xây dựng, giảm dần tỷ trọng nông – lâm nghiệp. Về nông nghiệp, huyện Tiên Du sản xuất theo phương thức sản xuất hàng hoá, đưa các giống lúa lai, lúa hàng hoá có năng suất và giá trị kinh tế cao vào sản xuất. Cùng với cây lúa, các cây màu có giá trị kinh tế cao như: đậu tương, lạc, ngô, rau xanh các loại cũng được quy hoạch sản xuất theo vùng chuyên canh, tạo ra những sản phẩm hàng hoá có giá trị thu nhập kinh tế cao cho mỗi gia đình nông dân.

Song song với trồng trọt, chăn nuôi của huyện cũng phát triển mạnh theo hướng công nghiệp, huyện đã chuyển đổi hơn 370ha đồng ruộng cấy lúa kém hiệu quả sang phát triển kinh tế trang trại. Đến nay, toàn huyện đã xây dựng được hơn 160 trang trại theo mô hình VAC tập trung ở các xã Phú Lâm, Lạc Vệ, Tân Chi, Liên Bảo, Hiên Vân... Bên cạnh đó, huyện cũng đã quy hoạch và phát triển mô hình chăn nuôi công nghiệp ở xa khu dân cư tại xã Cảnh Hưng, Tân Chi và Lạc Vệ với hơn 30ha.

Khai thác thế mạnh của vùng đất núi đồi, những năm gần đây phong trào trồng cây, phủ xanh đất trống đồi núi trọc theo dự án 327, 661 được huyện coi trọng và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Đến nay các xã trong huyện đều thực hiện tốt công tác trồng, chăm sóc bảo vệ gần 200ha rừng đặc dụng, rừng phòng hộ tập trung ở các xã Việt Đoàn, Phật Tích, Hiên Vân, Liên Bảo, Hoàn Sơn...

Trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp – xây dựng cơ bản của huyện trong 15 năm qua phát triển nóng, sôi động. Nhiều khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp làng nghề, đa nghề được hình thành phát triển càng tạo cho bộ mặt quê hương thêm khởi sắc. Đó là các khu công nghiệp Tiên Sơn (300ha), khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn (280ha) và các cụm công nghiệp làng nghề Giấy Phú Lâm, cụm công nghiệp đa nghề Lạc Vệ, Tân Chi... thu hút gần 200 dự án vào đầu tư với tổng số vốn trên 3.650 tỷ đồng và hơn 250 triệu USD (đô la Mỹ); trong đó có 177 dự án đã đi vào hoạt động, giải quyết việc làm ổn định cho gần

20.000 lao động, có mức thu nhập bình quân từ 2 đến 5 triệu đồng/người/tháng trong năm 2015. Cùng với các khu công nghiệp tập trung, khu công nghiệp đa nghề, các ngành nghề thủ công truyền thống trên địa bàn huyện được khôi phục và phát triển. Đi liền với phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp, giao thông- xây dựng ngày càng phát triển là tiền đề, đồng thời cũng là chìa khoá để mở cánh cửa giao thương, hội nhập xây dựng phát triển kinh tế trên địa bàn.

Về thương mại dịch vụ, tổng mức luân chuyển hàng hoá đến năm 2011 ước đạt 1.959 tỷ đồng, tăng 14,5 lần so với năm 1997. Với thế mạnh là một trung tâm văn hóa xưa, với nhiều di tích lịch sử văn hóa như chùa Hồng Vân, chùa Bách Môn, chùa Phật Tích..., huyện Tiên Du cũng đầu tư nâng cấp, tôn tạo những di tích lịch sử này đáp ứng nhu cầu thăm quan du lịch của du khách trong và ngoài nước. Những năm gần đây lễ hội Lim, Lễ hội Hoa Mẫu Đơn – Chùa Phật Tích, hội làng Tam Tảo xã Phú Lâm đang là điểm hẹn của du khách thập phương. Hàng năm đã thu hút hàng chục vạn lượt khách trong và ngoài nước về đây thăm quan, nghiên cứu tìm hiểu, chiêm ngưỡng vùng đất Tiên quan họ đậm thắm chữ tình.

Khi nền kinh tế của huyện phát triển tạo tiền đề cho việc đầu tư, nâng cao nhu cầu hưởng thụ phúc lợi xã hội, phát triển văn hoá giáo dục y tế đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi giải trí, văn hoá thể thao, du lịch cũng như chăm sóc bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân ngày một tốt hơn. Đến nay số hộ khá giả trên địa bàn huyện chiếm hơn 40%, số hộ nghèo của toàn huyện chỉ còn 4,46%; 100% số hộ xây nhà gạch, trên 70% số hộ xây nhà kiên cố, cao tầng. Hầu hết các gia đình đều có máy thu hình, ở các vùng nông thôn xa khu trung tâm có khó khăn được nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình nước sạch, càng làm cho đời sống, vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng đổi thay.

Với cơ cấu nền kinh tế đa dạng, nhiều khu công nghiệp, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đời sống nhân dân được nâng cao cũng là nguyên nhân tiềm ẩn các loại tội phạm, đặc biệt là các loại tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu.

2.1.2. Tình hình vi phạm, tội phạm trên địa bàn huyện trong những năm gần đây

Tình hình vi phạm và tội phạm trên địa bàn huyện trong những năm gần đây có nhiều diễn biến phức tạp, những loại tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu, xâm phạm trật tự an toàn xã hội có xu hướng giảm, tuy nhiên, số lượng tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng và chức vụ ngày càng tăng về số lượng và mức độ phức tạp. Điều này có thể thấy rất rõ trong những Báo cáo tổng kết hàng năm của Viện kiểm sát nhân dân huyện từ năm 2012 đến năm 2016, được tóm tắt lại trong bảng thống kê dưới đây.

Bảng 2.1. Thống kê tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Tiên Du giai đoạn 2012 – 2016

Loại tội phạm/ Năm	2012	2013	2014	2015	2016
Các tội xâm phạm an ninh quốc gia	0	0	0	0	0
Các tội phạm về ma túy	12	15	12	13	24
Các tội xâm phạm sở hữu	101	106	100	75	87
Các tội xâm phạm trật tự trị an- an toàn XH	51	43	42	51	27
Tội phạm tham nhũng và chức vụ	1	1	1	0	2
Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp	0	0	0	0	0

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2012 - năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh)

Qua Bảng thống kê nêu trên có thể thấy rằng, tình hình vi phạm, phạm tội trên địa bàn huyện Tiên Du chủ yếu tập trung ở 3 loại, mà trong đó nhiều nhất là tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu, tiếp theo đó là tội phạm về xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, và cuối cùng là ma túy. Tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu hàng năm đều chiếm đến khoảng 55% đến 65% tổng số tội phạm xảy ra ở huyện Tiên Du, mà trong đó chủ yếu là tội trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tội phạm về xâm phạm trật tự, an toàn xã hội ghi nhận sự suy giảm rất

rõ rệt về mặt số lượng trong năm 2016. Cụ thể, theo Báo cáo tổng kết công tác năm 2016 của VKSND huyện Tiên Du, trong năm 2016 Viện đã khởi tố tổng số 27 vụ/57 bị can, giảm 24 vụ so với năm 2015. Trong đó chủ yếu là tội cố ý gây thương tích với 6 vụ/ 12 bị can, và tội đánh bạc với 5 vụ/ 25 bị can.

Liên quan đến tội phạm về ma túy, có thể thấy tình hình tội phạm ma túy trong năm 2016 đã tăng ở mức báo động so với những năm trước đây. Năm 2016, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du đã khởi tố tổng số 24 vụ/ 27 bị can, trong đó điển hình có thể kể đến vụ án Thân Thị Ngọc phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Nội dung vụ việc cụ thể như sau: *Khoảng 17 giờ ngày 14/03/2016, tại cây xăng Dương Húc thuộc địa phận thôn Dương Húc - Đại Đồng - Tiên Du - Bắc Ninh, Công an huyện Tiên Du bắt quả tang Thân Thị Ngọc - SN 1994 ở Đông Lý - Tân Mỹ - Lạng Giang - Bắc Giang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 09 gói chất ma túy tổng hợp dạng đá có tổng trọng lượng là 1,1034 gam.*[29] Đây là vụ việc mà bị can với tuổi đời còn rất trẻ, nhưng đã có những hành vi vi phạm vô cùng nghiêm trọng quy định của pháp luật về ma túy.

Về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, mặc dù theo thống kê không có bất cứ vụ việc nào qua các năm, tuy nhiên trong năm 2014 cũng đã diễn ra những vụ biểu tình trên địa bàn xã Phú Lâm, huyện Tiên Du. Cụ thể: Ngày 29/1/2014 người dân xã Phú Lâm - Tiên Du nhận được thông báo trên đài phát thanh của xã Phú Lâm về việc Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội “Gây rối trật tự công cộng” , “Giữ người trái pháp luật” của cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Du - Bắc Ninh. Đến sáng ngày 30/01/2014 có khoảng 100 người dân xã Phú Lâm đã tụ tập trước cổng UBND huyện Tiên Du để phản đối Quyết định Khởi tố vụ án hình sự trên, đồng thời kiến nghị UBND huyện Tiên Du chuyển địa điểm tập kết bãi rác thải ở xã Phú Lâm đi nơi khác. Sau khi đã được đại diện UBND huyện Tiên Du giải thích thì tới 11h cùng ngày những người dân này đã giải tán, đi về.

Đến ngày 31/01/2014 và ngày 01/02/2014 quần chúng nhân dân tiếp tục đến UBND tỉnh Bắc Ninh kiến nghị nội dung trên.[27]

2.1.3. Vài nét về tổ chức, bộ máy hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du

Bộ máy hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du được xây dựng, phát triển dần qua thời gian, trong đó bước ngoặt đầu tiên phải kể đến đó là việc thành lập Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du được tách ra từ Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Sơn vào ngày 01/9/1999. Biên chế khi thành lập gồm 06 đồng chí, trong đó có 01 đồng chí Viện Trưởng, 01 đồng chí Phó Viện Trưởng, 02 đồng chí Kiểm sát viên, 02 đồng chí chuyên viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du hiện đặt trụ sở tại số 13- đường Lý Thường Kiệt - thị trấn Lim - huyện Tiên Du - tỉnh Bắc Ninh.

Đến thời điểm hiện nay, bộ máy và tổ chức hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du đã dần được kiện toàn. Biên chế hiện tại của đơn vị gồm 14 đồng chí, trong đó: 01 đồng chí Viện trưởng, 02 đồng chí Phó Viện trưởng, 04 đồng chí Kiểm sát viên, 03 đồng chí Kiểm tra viên, 01 đồng chí chuyên viên, 01 đồng chí kế toán và 02 đồng chí bảo vệ, tạp vụ. Về trình độ chuyên môn: có 11 đồng chí có bằng cử nhân Luật, 01 đồng chí có bằng cử nhân kế toán (trong đó có 03 đồng chí đang theo học lớp cao học luật).

Theo tinh thần cải cách tư pháp, thượng tôn pháp luật, cùng với sự chỉ đạo sáng suốt của lãnh đạo Viện, cũng như sự chấp hành nghiêm minh, tinh thần học hỏi cầu thị, sáng tạo trong công việc của các cán bộ, kiểm sát viên, chuyên viên mà Viện kiểm sát Tiên Du trong nhiều năm liền là đơn vị được Viện trưởng VKSND Tối cao tặng Cờ tập thể dẫn đầu phong trào thi đua khôi; nhiều năm liền được Viện trưởng VKSND Tối cao, VKSND tỉnh Bắc Ninh, UBND tỉnh Bắc Ninh và UBND huyện Tiên Du tặng Bằng khen, Giấy khen. Đây cũng là chi bộ Đảng trong sạch, vững mạnh, được công nhận là công sở văn hóa. Từ khi

thành lập cho đến nay, VKSND huyện chưa không có cán bộ, Kiểm sát viên nào vi phạm kỷ luật nội vụ và vi phạm pháp luật.

2.2. Thực trạng thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du

2.2.1. Những kết quả đạt được trong thực hành quyền công tố đối với các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du

Ở góc độ tổng quan, thực hiện quyền công tố, kiểm sát tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du cũng đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Theo thống kê tại Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát năm 2016 của VKSND huyện Tiên Du, trong năm 2016, số tố giác, tin báo đã thụ lý là **209 tin**, tăng 04 tin so với cùng kỳ năm 2015, và tăng 28 tin so với cùng kỳ năm 2014; trong đó viện đã giải quyết: **204 tin**. Cũng trong năm 2016, tổng số vụ án thụ lý xét xử theo thống kê là 120 vụ/214 bị cáo (Cũ: 15 vụ/ 32 bị cáo; Mới: 101 vụ/ 156 bị cáo; Nhận ủy quyền xét xử: 04 vụ/ 26 bị cáo), tăng 12 vụ so với cùng kỳ năm 2015.

Về thực hiện quyền công tố trong giai đoạn tin báo và khởi tố, có thể thấy, trong thời gian vừa qua, các tố giác, tin báo về tội phạm về cơ bản được Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Du tiếp nhận và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, không có tố giác, tin báo về tội phạm nào thụ lý giải quyết sai thẩm quyền. Tuy nhiên, qua hoạt động kiểm sát, VKSND huyện Tiên Du đã phát hiện vi phạm của cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Du trong việc chậm ra quyết định giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, VKSND huyện Tiên Du đã ban hành những kiến nghị yêu cầu khắc phục, sửa chữa và đã được cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Du khắc phục. Đồng thời, trong quá trình kiểm sát trực tiếp việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố tại cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Du, VKSND huyện Tiên Du đã phát hiện một số vi phạm, thiếu sót của cơ quan điều tra. Từ đó, VKS đã ban hành những kết luận, kiến nghị yêu cầu cơ quan

CSĐT Công an huyện Tiên Du khắc phục, sửa chữa vi phạm được chấp nhận, tiếp thu. Chẳng hạn, trong năm 2016, các tố giác, tin báo về tội phạm về cơ bản được cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Du tiếp nhận và giải quyết theo đúng quy định tại Điều 103 BLTTHS năm 2003 và Thông tư liên tịch số 06 ngày 02/08/2013, không có tố giác, tin báo về tội phạm nào thụ lý giải quyết sai thẩm quyền. Tuy nhiên qua công tác kiểm sát, Viện kiểm sát đã phát hiện một số vi phạm của cơ quan điều tra như: Có 03 tố giác về tội phạm chậm chuyển quyết định phân công giải quyết tố giác về tội phạm cho Viện kiểm sát; 01 tố giác tội phạm chậm gửi thông báo về việc quá hạn giải quyết cho Viện kiểm sát để thống nhất quan điểm giải quyết; Chậm ra quyết định giải quyết 01 tố giác về tội phạm khi đó đủ căn cứ để giải quyết. VKS huyện Tiên Du đã 01 lần tiến hành kiểm sát trực tiếp việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố tại cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Du; Ban hành 01 kết luận, 02 bản kiến nghị yêu cầu cơ quan CSĐT Công an huyện Tiên Du khắc phục, sửa chữa vi phạm được chấp nhận.

Trong giai đoạn điều tra, việc thực hiện quyền công tố cũng đạt được nhiều kết quả. Tổng số án thụ lý trong năm 2016 là 153 vụ/ 189 bị can (Cũ: 15 vụ/ 20 bị can; Mới: 140 vụ/ 172 bị can; Phục hồi: 02 vụ/ 03 bị can; chuyển thẩm quyền điều tra 04 vụ/ 06 bị can), đã giảm 14 vụ so với cùng kỳ 2015. Cũng trong năm 2016, cơ quan điều tra đã giải quyết: 134 vụ/166 bị can, trong đó: Cơ quan điều tra đã kết thúc điều tra đề nghị truy tố: 102 vụ/ 157 bị can, tạm đình chỉ: 27 vụ/ 0 bị can, đình chỉ: 05 vụ/ 09 bị can; Chưa kết thúc điều tra: 19 vụ/ 23 bị can, đặc biệt không có vụ nào để quá hạn, tỷ lệ giải quyết án đạt: 87,6 % . Trong năm 2016, Viện kiểm sát đã chủ động phối hợp với Cơ quan điều tra nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra. Tiến hành kiểm sát điều tra 100% số vụ án hình sự ngay từ khi Cơ quan điều tra khởi tố, tích cực đề ra yêu cầu điều tra cụ thể đối với từng vụ án. Qua công tác kiểm sát, Viện kiểm sát huyện Tiên Du đã đề ra 95 bản yêu cầu điều tra.

Việc giải quyết án theo thủ tục rút gọn, xác định án điểm được chú trọng. Trong năm 2016, đã xác định được 03 vụ án theo thủ tục rút gọn, 08 vụ án điểm (= 5,2% tổng số án thụ lý kiểm sát điều tra).

Trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát huyện Tiên Du cũng nghiên cứu hồ sơ vụ án rất nghiêm túc, kỹ lưỡng, đảm bảo các vụ án truy tố và chuyển hồ sơ sang Tòa án đúng thời hạn, có căn cứ theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ xử lý án trong giai đoạn này đạt 100% trong nhiều năm liên tiếp. Chẳng hạn, trong năm 2016, VKS đã giải quyết: 102 vụ/ 157 bị can. Trong đó: Truy tố: 101 vụ/ 156 bị can; Tạm đình chỉ: 01 vụ/ 01 bị can (Bị can bỏ trốn, hết thời hạn truy tố chưa bắt được bị can).

Về thực hiện quyền công tố trong giai đoạn xét xử, thực tế xét xử tại địa phương trong thời gian qua, Viện kiểm sát đã đề ra các biện pháp để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự. Kiểm sát viên được phân công đã nghiên cứu kỹ hồ sơ và thực hiện đúng quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự, chuẩn bị tốt dự thảo luận tội, đề cương xét hỏi, phán đoán các tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa, kịp thời linh hoạt trong việc giải quyết các tình huống có thể xảy ra tại phiên tòa.

Bên cạnh đó, Viện kiểm sát đã phối hợp với Tòa án đưa 18 vụ án đi xét xử lưu động, tăng 6 vụ so với năm 2015. Qua những phiên tòa lưu động này, VKSND huyện Tiên Du đã góp phần tích cực trong công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, phòng chống vi phạm và tội phạm. Thực hiện biện pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa xét xử hình sự, VKS đã phối hợp với Tòa án huyện tổ chức 06 phiên tòa hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp để rút kinh nghiệm chung, trong đó có 01 vụ mời VKS cấp tỉnh tham dự.

Nhìn chung, trong những năm vừa qua, việc thực hiện quyền công tố của VKSND huyện Tiên Du đã đáp ứng được tình hình chính trị tại địa phương, Viện kiểm sát Tiên Du đã hoàn thành tốt kế hoạch đề ra hàng năm, cũng như tập trung nhiều biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác quản lý, chỉ

đạo, điều hành. Các chỉ tiêu đã hoàn thành và vượt kế hoạch; nâng cao chất lượng các bản kiến nghị các vi phạm tố tụng đối với các cơ quan tư pháp cùng cấp. Quán triệt và thực hiện đạt hiệu quả cao Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm và Nghị quyết số 63/2013/QH ngày 27/11/2013 của Quốc hội về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tập trung thực hiện tốt công tác cải cách tư pháp theo Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, để từ đó chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử của Viện ngày càng được nâng cao.

2.2.2. Những tồn tại, bất cập trong thực hành quyền công tố đối với các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du

Nhìn chung, công tác thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du trong các năm qua đã có nhiều tiến bộ. Viện kiểm sát đã chủ động phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật giải quyết nhiều vụ án lớn, phức tạp. Chất lượng bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, truy tố được nâng cao hơn trước; tiến độ giải quyết án được đẩy nhanh... Tuy nhiên, so với chức năng, nhiệm vụ được giao, công tác thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát còn những tồn tại, bất cập:

Thứ nhất, bất cập trong quản lý thông tin về tội phạm: việc nắm thông tin, quản lý, xử lý tin báo tội phạm một số vụ còn chưa đầy đủ kịp thời dẫn đến còn để việc xử lý tin báo quá hạn. Một nền công tố mạnh phải đáp ứng yêu cầu nắm bắt đầy đủ, kịp thời thông tin về tội phạm, đồng thời phân định đúng đắn thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan trong quản lý và xử lý các thông tin về tội phạm. Tố tụng hình sự nước ta chưa làm được điều này. Tố tụng hình sự giao cho các CQĐT và VKS cùng có thẩm quyền tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm. Sau khi tiếp nhận, VKS có trách nhiệm chuyển ngay cho CQĐT để tiến hành xác minh nhưng pháp luật lại không quy định trách nhiệm của CQĐT thông báo cho VKS các tố giác, tin báo thu thập được, CQĐT chỉ có trách

nhệm thông báo cho VKS kết quả xác minh tố giác, tin báo về tội phạm. Cách giải quyết như trên dẫn đến không có cơ quan nào được giao thực hiện trách nhiệm thống nhất quản lý các tố giác, tin báo về tội phạm phạm (không nắm được đầu vào của tình hình phạm tội).

Thứ hai, trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự, việc đề ra các yêu cầu điều tra trong các vụ án hình sự còn hạn chế. Chẳng hạn, trong năm 2016, trong tổng số 153 vụ án kiểm sát điều tra, đơn vị đã ban hành 95 bản yêu cầu điều tra, chiếm tỷ lệ 62,1 %. Bên cạnh đó, nhiều vụ án khi tham gia kiểm sát xét xử, kiểm sát viên chưa chuẩn bị đề cương luận tội. Vì vậy, trước phiên tòa kiểm sát viên còn lúng túng, tranh tụng, thẩm vấn tại phiên tòa chưa thuyết phục. Hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát chưa gắn kết chặt chẽ với Cơ quan điều tra nên vẫn còn có vụ án Viện kiểm sát phải trả lại Cơ quan điều tra yêu cầu điều tra bổ sung.

Thứ ba, Viện kiểm sát là cơ quan chủ trì thực hành quyền công tố nhưng không nắm được "đầu vào" của tình hình phạm tội: Xuất phát từ vai trò của cơ quan chủ trì thực hiện QCT, thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đến cùng đối với người phạm tội nên pháp luật quy định VKS phải bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được khởi tố, điều tra, xử lý kịp thời [25]. Tuy nhiên, với các cơ chế pháp luật hiện hành, VKS không đủ điều kiện để thực hiện trách nhiệm quan trọng đó của cơ quan THQCT; không nắm được "đầu vào" của tình hình tội phạm; không có quyền xác minh tố giác, tin báo về tội phạm. Thực tế đó làm cho VKS ở vào thế thụ động trong thực hiện trách nhiệm công tố ngay từ khâu khởi tố vụ án; làm giảm vai trò, tác động của VKS đến trách nhiệm của CQĐT trong phát hiện, khám phá tội phạm. Đồng thời, các quy định của pháp luật hiện hành cũng tạo ra không ít khó khăn với VKS khi kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm của CQĐT.

Thứ tư, chưa giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa các cơ quan trong quá trình thực hành quyền công tố. Hiện nay, Viện kiểm sát bị phụ thuộc vào CQĐT trong quá trình thực hành quyền công tố. Là cơ quan thực hiện quyền công tố nhưng pháp luật nước ta lại đang giải quyết vấn đề theo hướng hạn chế sự chủ động của cơ quan công tố. Quá trình tiếp nhận và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, VKS chỉ có quyền kiểm sát việc giải quyết của CQĐT, không có quyền trực tiếp xác minh tố giác, tin báo về tội phạm khi thấy cần thiết (ví dụ: Việc xác minh của CQĐT không khách quan hoặc có vi phạm pháp luật). Đối với hoạt động khởi tố, VKS chỉ thực hiện thẩm quyền khởi tố vụ án trong trường hợp VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án của CQĐT. Nếu CQĐT đình chỉ điều tra với lý do không có sự việc phạm tội thì VKS cũng không có biện pháp nào để làm sáng tỏ vụ án đưa người phạm tội ra tòa án để xét xử.

Hiện nay, nước ta thiếu cơ chế bảo đảm thực hiện các yêu cầu của VKS. Điều tra tội phạm là tiền đề của công tố, là sự chuẩn bị cho hoạt động công tố. Quá trình thực hiện chức năng công tố, VKS được giao trách nhiệm quyết định việc buộc tội, thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đến cùng với người phạm tội, trực tiếp thực hiện truy tố, buộc tội, luận tội tại phiên tòa. Chất lượng điều tra quyết định chất lượng công tố, thiếu những chứng cứ trong giai đoạn điều tra thì Kiểm sát viên sẽ rất khó có thể thành công để thực hiện việc buộc tội, tranh tụng tại phiên tòa. Do hoạt động điều tra của CQĐT phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu của hoạt động công tố, thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của VKS. Khi các yêu cầu của VKS không được CQĐT thực hiện hoặc thực hiện không đạt yêu cầu thì pháp luật phải có cơ chế để bảo đảm cho các yêu cầu, quyết định đó phải được thực hiện, điều đó chính là để thực hiện mục tiêu của chức năng công tố - phát hiện tội phạm và đưa kẻ phạm tội ra tòa. Tuy nhiên pháp luật TTHS nước ta lại chưa đáp ứng được yêu cầu này. Thực tiễn cho thấy, nhiều yêu cầu, quyết định tố tụng của VKS không được CQĐT thực hiện, song

lại không có biện pháp để xử lý. Thực tế này ảnh hưởng đến mục tiêu, hiệu quả của hoạt động công tố, gây khó khăn đối với VKS trong thực hiện chức năng công tố, là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, làm kéo thời hạn giải quyết vụ án.

Nghiên cứu kinh nghiệm các nước cho thấy, các nước đều có hai hệ thống cơ quan độc lập: Cơ quan điều tra và cơ quan Công tố, nhưng hầu hết các nước đều giao cho cơ quan Công tố/VKS thẩm quyền điều tra tội phạm, tuy rằng phạm vi và mức độ tham gia điều tra không giống nhau. Ở các nước theo truyền thống pháp luật châu Âu lục địa (Pháp, Đức, Italia) giao cho cơ quan công tố thẩm quyền điều tra với mọi loại tội phạm; tuy nhiên, trên thực tế hầu hết việc điều tra do Cảnh sát tiến hành, cơ quan Công tố chủ yếu thực hiện thẩm quyền chỉ đạo, giám sát hoạt động điều tra của Cảnh sát. Ở một số nước (Nhật Bản, Trung Quốc...) lại giao cho Viện kiểm sát/Viện công tố trực tiếp điều tra tội phạm tham nhũng, các vụ án kinh tế có quy mô lớn. Ở một số nước khác lại quy định Công tố viên có trách nhiệm cùng tham gia điều tra với Cảnh sát...

Thứ năm, chưa có sự tương xứng giữa trách nhiệm pháp lý phải gánh vác với quyền hạn được giao: Một trong những yêu cầu quan trọng của Nhà nước pháp quyền đó là không chỉ công dân có trách nhiệm với Nhà nước mà Nhà nước cũng phải có trách nhiệm với công dân. Thể chế hóa tư tưởng đó, cải cách tư pháp ở nước ta thời gian qua được triển khai theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn chế định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng tư pháp. Theo đó, các cơ quan và người tiến hành tố tụng phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công dân nếu để xảy ra oan, sai trong quá trình giải quyết vụ án. Có thể thấy rằng, Nhà nước làm sai cho công dân thì Nhà nước phải có trách nhiệm bồi thường, không loại trừ lĩnh vực hoạt động nào của Nhà nước, vấn đề đặt ra là phải thiết kế các thẩm quyền, thủ tục một cách hợp lý để các cơ quan Nhà nước thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình, tránh rơi vào

trường hợp làm oan, làm sai và phải bồi thường thiệt hại. Tổ tụng hình sự nước ta giải quyết vấn đề theo hướng trong giai đoạn điều tra, CQĐT chỉ chịu trách nhiệm bồi thường đối với hai trường hợp: 1) Ra quyết định tạm giữ (3 ngày đầu) nhưng bị VKS hủy bỏ quyết định tạm giữ vì người bị tạm giữ không có hành vi vi phạm phạm luật; 2) Ra quyết định khởi tố bị can nhưng VKS không phê chuẩn vì người bị khởi tố không thực hiện hành vi phạm tội. Kể từ thời điểm này, việc gia hạn tạm giữ, khởi tố bị can, quyết định tạm giam.v.v. thuộc trách nhiệm phê chuẩn của VKS và phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại của VKS nếu để xảy ra oan, sai trong hoạt động TTHS. Như vậy, TTHS nước ta giao trách nhiệm rất lớn cho VKS, Viện kiểm sát có trách nhiệm bảo đảm cho quá trình chứng minh tội phạm được triệt để, khách quan, đúng pháp luật. Nếu VKS không thực hiện tốt trách nhiệm này thì VKS phải trả giá bằng chính uy tín của mình trước phiên tòa sơ thẩm, phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với toàn bộ hoạt động tố tụng tiến hành trước phiên tòa sơ thẩm. Trách nhiệm nặng nề là như vậy, nhưng các cơ chế pháp luật hiện hành không bảo đảm để VKS hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong một số trường hợp, thời hạn để VKS tiếp cận với quá trình giải quyết vụ án và tiến hành phê chuẩn các quyết định là quá ngắn; các yêu cầu của VKS liên quan đến việc chứng minh tội phạm nếu không được CQĐT thực hiện thì VKS cũng không có biện pháp để xử lý nhằm bảo đảm đủ chứng cứ buộc tội tại phiên tòa...

Thứ sáu, việc nghiên cứu hồ sơ, xem xét, đánh giá các tình tiết chứng cứ trong một số vụ án còn không kỹ, không sâu, thiếu khách quan toàn diện.

Mặc dù trong những năm qua, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du thực hiện hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra và xét xử sơ thẩm hình sự vào một đầu mối, để gắn trách nhiệm cụ thể của Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố và kiểm sát điều tra, tiếp tục thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm nhằm mục đích nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm. Nhưng vấn đề được đặt ra và cũng là điểm yếu nổi lên

lâu nay là chất lượng nghiên cứu hồ sơ vụ án của Kiểm sát viên vẫn không cao. Chất lượng nghiên cứu hồ sơ thể hiện rõ nhất là nghiên cứu không kỹ, không sâu, dễ dàng thỏa mãn với kết quả điều tra nên không nắm được đầy đủ các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án; không phát hiện được những mâu thuẫn trong các chứng cứ buộc tội, gỡ tội hoặc những thiếu sót cần phải được điều tra bổ sung làm rõ. Hậu quả của việc nghiên cứu hồ sơ vụ án không kỹ, không sâu dẫn đến vẫn còn bản cáo trạng viết dập khuôn kết luận điều tra; dự thảo đề cương xét hỏi và dự kiến những vấn đề có thể tranh luận đối đáp tại phiên tòa thì sơ sài, không sát với diễn biến vụ án; khi tham gia phiên tòa có tình huống mới phát sinh hoặc có vấn đề phức tạp cần có ý kiến của Kiểm sát viên thì lúng túng không đưa ra được ý kiến phù hợp. Không chủ động tham gia xét hỏi để củng cố chứng cứ, tài liệu làm cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo khi luận tội, trường hợp Hội đồng xét xử đề nghị Kiểm sát viên tham gia xét hỏi thì lúng túng, câu hỏi không tập trung vào vấn đề mấu chốt quan trọng của vụ án; khi luận tội thì lời luận tội lặp lại bản cáo trạng... Bởi vậy, cả bản án xét xử sơ thẩm bị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Việc trích cứu chứng cứ, tài liệu của vụ án vẫn còn xảy ra những trường hợp Kiểm sát viên thực hiện không quy định tại Điều 13 Quy chế thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự như: trích cứu không đầy đủ các lời khai của bị cáo, của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác, có trường hợp Kiểm sát viên không trích cứu mà sao phô tô, sao chụp các lời khai, các tài liệu....

Thứ bảy, việc luận tội của Kiểm sát viên tại một số phiên tòa sơ thẩm không phù hợp với các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa

Mặc dù việc luận tội của Kiểm sát viên trong những năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực, có rất nhiều vụ án lời luận tội của Kiểm sát viên được dư luận đồng tình ủng hộ và đánh giá cao.

Tuy nhiên vẫn còn có lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa còn bộc lộ nhiều thiếu sót đó là: Việc chứng minh hành vi phạm tội của Kiểm sát viên không phân tích, đánh giá chứng minh hành vi phạm tội mà nặng về nêu diễn biến của tội phạm, đánh giá tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội; có trường hợp lời luận tội của Kiểm sát viên chủ yếu nêu lại cáo trạng; có trường hợp tại phiên tòa Kiểm sát viên không chú ý theo dõi, ghi chép diễn biến lời khai của bị cáo, của những người tham gia tố tụng nên không bổ sung, sửa chữa lời khai của họ cho phù hợp với diễn biến của phiên tòa, nên bản dự thảo luận tội được chuẩn bị trước như thế nào thì tại phiên tòa, Kiểm sát viên đọc nguyên văn như vậy, dẫn đến lời luận tội của Kiểm sát viên không phù hợp với các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa.

Về phương pháp trình bày lời luận tội có nhiều trường hợp Kiểm sát viên không thực hiện nguyên tắc luận chứng trước và luận tội sau, tức là phải phân tích, đánh giá chứng cứ của vụ án để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo theo điều, khoản nào của Bộ luật hình sự sau đó mới phân tích, phê phán hành vi phạm tội của bị cáo, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, mà thể hiện bằng cách không chứng minh bằng chứng cứ đã kết luận, nêu lời luận tội thiếu sức thuyết phục...

Thứ tám, Việc đối đáp, tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm hình sự của Kiểm sát viên còn sơ sài, chưa tích cực, chung chung, thiếu tính tranh luận theo căn cứ pháp luật

Việc đối đáp của Kiểm sát viên với bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng chỉ xảy ra khi bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng trình bày ý kiến về luận tội của Kiểm sát viên và đưa ra đề nghị của mình. Nhưng việc đối đáp của Kiểm sát viên trong những năm qua vẫn còn là một trong những điểm yếu nhất. Thực tiễn hoạt động đối đáp của Kiểm sát viên tại phiên tòa trong các năm qua thể hiện rõ nhất là chưa tích cực đối đáp tranh luận mà vẫn còn trường hợp Kiểm sát viên đối đáp tranh luận sơ sài rồi kết luận “có đủ căn cứ kết tội bị

cáo như cáo trạng đã truy tố”. Vẫn còn nhiều trường hợp Kiểm sát viên đối đáp chung chung, không sử dụng các căn cứ pháp luật, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa để phân tích, lập luận và chứng minh bác bỏ những quan điểm không đúng đắn của bị cáo, người bào chữa. Kiểm sát viên chưa biết chọn lọc những vấn đề cần thiết để đối đáp tranh luận, vẫn còn nhiều trường hợp đối đáp tranh luận miên man, dài dòng... kỹ năng đối đáp tranh luận của Kiểm sát viên thể hiện việc đối đáp tranh luận bằng cách không chứng minh bằng chứng cứ, căn cứ pháp lý đã kết luận hoặc kết luận lại thiếu chứng cứ để chứng minh.

2.2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

Những tồn tại trong công tác thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du do nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan. Tổng quát lại có thể thấy do những nguyên nhân chính sau đây:

Thứ nhất, hệ thống pháp luật về thực hành quyền công tố có rất nhiều nội dung được sửa đổi bổ sung năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành toàn bộ mà chỉ thi hành các quy định có lợi cho bị can, bị cáo, trong khi kiểm sát viên, chuyên viên, cũng như các cán bộ chưa được tập huấn đầy đủ và thường xuyên, nên trong quá trình áp dụng còn những lúng túng. Hơn thế nữa mặc dù hệ thống pháp luật tổ tụng hình sự hiện nay tương đối đầy đủ nhưng còn nhiều vấn đề bất cập, chưa hoàn thiện. Đây là nguyên nhân khách quan nhưng rất cơ bản, đòi hỏi phải được khắc phục kịp thời, nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng hoạt động hiệu quả trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm

Thứ hai, về công tác lãnh đạo, chỉ đạo: Việc quản lý, chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Viện kiểm sát còn bất cập, đôi lúc sự chỉ đạo còn chưa thường xuyên, liên tục; việc kiểm tra, giám sát của Lãnh đạo đối với cán bộ, Kiểm sát viên chưa tốt nên nhiều thiếu sót của Kiểm sát viên không được phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục kịp thời. Ngoài ra, có những khoảng thời gian mà ngành cấp trên đã thực hiện việc điều động, luân chuyển cán bộ, trong đó có cán bộ lãnh

đạo đơn vị nên đã ít nhiều ảnh hưởng đến công tác thực hiện các chỉ tiêu chuyên môn nghiệp vụ. Trong thời gian gần đây, đơn vị cũng gặp phải nhiều khó khăn về nguồn nhân lực, chẳng hạn trong năm 2016, đơn vị có 04 đồng chí theo học lớp cao học Luật, 01 đồng chí Kiểm sát viên bị bệnh nặng phải điều trị nội trú tại Bệnh viện trong thời gian dài nên ít nhiều ảnh hưởng đến công tác của đơn vị.

Thứ ba, về trình độ kỹ năng của kiểm sát viên và cán bộ: Một số Kiểm sát viên chưa nhận thức được đầy đủ, đúng đắn vị trí, vai trò, thẩm quyền của Viện kiểm sát trong hoạt động tố tụng hình sự nói chung và hoạt động thực hành quyền công tố nói riêng. Đồng thời, một số Kiểm sát viên tinh thần trách nhiệm chưa cao, thiếu chủ động trong hoạt động thực hành quyền công tố, không bám sát quá trình điều tra vụ án, nghiên cứu án không sâu nên không nắm vững các tình tiết của vụ án. Các đồng chí kiểm sát viên, cán bộ trong đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao có lúc, có nơi còn buông lỏng, chưa đeo bám kế hoạch, chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm. Trình độ cán bộ, kiểm sát viên trong đơn vị chưa đồng đều, có một số đồng chí cán bộ mới vào ngành, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm còn hạn chế. Một số Kiểm sát viên chưa nắm vững các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự dẫn đến lúng túng trong việc áp dụng pháp luật.

Thứ tư, về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật: nhìn chung cơ sở vật chất của Viện kiểm sát còn yếu và thiếu, không đáp ứng được yêu cầu nhanh, nhạy, chính xác, kịp thời của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nguồn vốn ngân sách dành cho phát triển cơ sở vật chất của Viện còn hạn hẹp.

Thứ năm, tình hình tội phạm tại địa phương diễn ra ngày càng tinh vi và phức tạp hơn. Một số loại tội phạm xảy ra có nguyên nhân là do ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận nhân dân còn hạn chế; đối tượng phạm tội là những thanh, thiếu niên không có nghề nghiệp đã có tiền án, tiền sự hoặc những đối tượng nhận thức pháp luật còn hạn chế nên khi phát sinh mâu thuẫn thì dùng bạo lực để giải quyết

Kết luận chương 2

Trong những năm gần đây, việc thực hiện quyền công tố của Viện kiểm sát huyện Tiên Du đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Đến thời điểm hiện nay, bộ máy và tổ chức hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du đã dần được kiện toàn. Viện kiểm sát đã chủ động phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật giải quyết nhiều vụ án lớn, phức tạp. Chất lượng bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, truy tố được nâng cao hơn trước; tiến độ giải quyết án được đẩy nhanh... Tuy nhiên, so với chức năng, nhiệm vụ được giao, công tác thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát còn những tồn tại, yếu kém như bắt cập trong quản lý tố giác, tin báo và kiến nghị khởi tố về tội phạm, còn để xảy ra những trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung, còn có vụ án bị cấp trên kháng nghị vì có vi phạm trong việc áp dụng điều luật... Những tồn tại trong công tác thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du do nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan, trong đó có thể kể đến công tác chỉ đạo điều hành luân chuyển cán bộ còn chưa hợp lý, trình độ của kiểm sát viên và chuyên viên còn hạn chế, cơ sở vật chất chưa đồng bộ, pháp luật tố tụng hình sự có nhiều thay đổi,...

Chương 3

QUAN ĐIỂM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN QUYỀN CÔNG TỐ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU

3.1. Quan điểm cải cách tư pháp và đảm bảo thực hiện quyền công tố khi giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du

Cải cách tư pháp là việc đổi mới hệ thống Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án và Cơ quan thi hành án cũng như tổ chức và hoạt động thực tiễn của các cơ quan này; đồng thời hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan nhằm xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, hoạt động hiệu quả, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, góp phần quản lý tốt xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế.

Qua ba mươi năm tiến hành công cuộc đổi mới (1986-2016), đất nước ta đã có những bước phát triển vượt bậc trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội. Về kinh tế, đã chuyển từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Về chính trị, Hiến pháp năm 2013 đã ban hành xác định rõ phương hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Hai tiền đề kinh tế, chính trị cơ bản trên đã tạo ra một cục diện tình hình mới có ý nghĩa hết sức to lớn cho tiến trình đổi mới tiếp theo.

Trước bối cảnh đó, việc cải cách các cơ quan nhà nước nói chung, trong đó có các cơ quan tư pháp nói riêng là yêu cầu tất yếu khách quan. Song song với việc cải cách các cơ quan tư pháp, phải tiến hành đồng bộ việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, trong đó có pháp luật về thực hành quyền công tố, đảm bảo cho Cơ quan công tố cũng như các cơ quan tiến hành tố tụng khác những quyền năng và trách nhiệm rõ ràng, cụ thể, nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đổi mới.

Tiếp tục phát triển, cụ thể hoá quan điểm của Đảng trong Văn kiện Đại hội lần thứ VIII, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khoá VIII) đã đề cập đến việc nâng cao chất lượng hoạt động của Viện kiểm sát, trong đó đặt ra yêu cầu tập trung làm tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Ngày 02 tháng 6 năm 2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW. Nội dung của Nghị quyết đã đề cập một cách toàn diện về mục tiêu, quan điểm cải cách tư pháp, phương hướng, nhiệm vụ cải cách tư pháp đến năm 2020, cụ thể: Trước mắt, Viện kiểm sát nhân dân vẫn giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức Tòa án. Nghiên cứu việc chuyển Viện kiểm sát thành Viện công tố, tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra [3]. Nhằm thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng, ngày 22/2/2006 Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp đã ban hành Kế hoạch số 05-KH/CCTP, về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (giai đoạn 2006-2010).

Về mục tiêu, quan điểm chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, Nghị quyết nêu: *“Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân...Tiến hành đồng bộ cải cách hành chính, cải cách tư pháp, với những bước đi vững chắc...”*[15].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng tiếp tục đề ra phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó có việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp; Văn kiện khẳng định Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp

luật...Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Đẩy mạnh việc thực hiện *Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*. Cải cách tư pháp khẩn trương, đồng bộ; lấy cải cách hoạt động xét xử làm trọng tâm; thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra [3].

Trên cơ sở nội dung các Văn kiện quan trọng nêu trên của Đảng, đặt ra những yêu cầu của cải cách tư pháp đối với hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hành quyền công tố như sau:

Một là: Quán triệt các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp, nhất là Nghị quyết số 48- NQ/TW ngày 24/5/2005 và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị. Tư tưởng chỉ đạo về hoàn thiện pháp luật thực hành quyền công tố nói riêng và xây dựng, hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung là nhằm hướng tới một nền tư pháp độc lập, trong sạch, vững mạnh, gần dân, thuận lợi cho dân, hoạt động hiệu quả, bảo vệ trật tự, kỷ cương, tôn trọng và bảo đảm quyền con người...

Hai là: Hoàn thiện pháp luật thực hành quyền công tố phải đảm bảo tính đồng bộ trong hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách tổ chức và hoạt động của Bộ máy nhà nước nói chung, cũng như đối với các cơ quan tư pháp nói riêng .

Ba là: Hoàn thiện pháp luật thực hành quyền công tố phải đảm bảo sự phối kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động công tố với hoạt động điều tra, tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra (Viện công tố phải là đầu mối tiếp nhận, phân loại và quyết định việc xử lý tin báo tội phạm, cũng như quyết định trong việc khởi tố vụ án, bị can); phải đề cao vai trò tranh tụng của Công tố viên giữ quyền công tố tại phiên tòa hình sự (xây dựng chế độ trách nhiệm buộc tội, chế độ trách nhiệm trong việc tranh luận, chứng minh tội phạm của Công tố viên tại phiên tòa...); góp phần giải quyết tốt các yêu cầu bức xúc do thực tiễn đấu

tranh phòng, chống tội phạm; tăng cường khả năng chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, đồng thời tránh oan, sai trong quá trình tiến hành tố tụng.

Bốn là: Hoàn thiện pháp luật thực hành quyền công tố phải đảm bảo các trình tự, thủ tục tố tụng cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu, khả thi, tạo điều kiện cho những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm tố tụng.

Năm là: Hoàn thiện pháp luật thực hành quyền công tố phải đảm bảo tính kế thừa của lịch sử cũng như những nét đặc thù của truyền thống pháp lý của dân tộc; đồng thời tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới, đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế.

Sáu là: Hệ thống pháp luật thực hành quyền công tố phải giải quyết tốt việc thực hiện các quy định về mối liên hệ giữa chức danh hành chính với chức danh tố tụng, như Nghị quyết số 49-NQ/TW đã xác định: “Phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho Kiểm sát viên... để họ chủ động thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình” [3].

Bảy là: Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và yêu cầu về tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Trong hoàn thiện pháp luật thực hành quyền công tố phải quán triệt quan điểm giai cấp, quan điểm quần chúng trong thực thi nhiệm vụ; thực hiện quyền hạn trong đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ lợi ích của Nhà nước gắn với việc bảo vệ quyền tự do dân chủ và các lợi ích hợp pháp của công dân, đảm bảo dân chủ đi đôi với kỷ cương phép nước.

Với những chủ chương, đường lối như vậy, vấn đề hoàn thiện pháp luật thực hành quyền công tố cần phải đảm bảo tiêu chí về nội dung cũng như tiêu chí về hình thức.

Về nội dung, pháp luật thực hành quyền công tố được coi là hoàn thiện khi đảm bảo đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về nội dung, cụ thể là:

- Phản ánh đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác thực hành quyền công tố.

- Nội dung của pháp luật thực hành quyền công tố phải phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, đồng thời bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng ở mỗi quy phạm và từng chế định pháp luật.

- Pháp luật thực hành quyền công tố phải đảm bảo tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho Cơ quan công tố thực thi quyền năng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội; đồng thời là công cụ hữu hiệu bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản của Nhà nước, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

Về hình thức, hoàn thiện pháp luật thực hành quyền công tố phải đảm bảo tính đồng bộ: Hệ thống pháp luật luôn được thể hiện dưới hình thức văn bản và được ban hành bởi cơ quan nhà nước thẩm quyền, theo một trình tự luật định. Hệ thống pháp luật bao gồm các ngành luật, các chế định pháp luật, các quy phạm pháp luật... Quy phạm pháp luật là một dạng của quy phạm xã hội, nó có các thuộc tính chung là điều chỉnh các quan hệ xã hội và mang tính giai cấp. Tuy nhiên quy phạm pháp luật có tính xác định chặt chẽ hơn so với các quy phạm xã hội khác.

Pháp luật thực hành quyền công tố được quy định trong nhiều hệ thống các ngành luật khác nhau. Vì vậy giữa pháp luật thực hành quyền công tố với các hệ thống pháp luật khác phải được xem xét, nghiên cứu tổng thể trong một chiến lược chung nhằm đảm bảo sự phù hợp, thống nhất, tránh mâu thuẫn, chồng chéo. Ngoài ra, tính đồng bộ còn được thể hiện ngay trong quy định của mỗi ngành luật, ngay giữa các bộ phận của hệ thống pháp luật. Để tạo ra tính đồng bộ, đòi hỏi phải vừa có quan điểm tổng quát (để xác định tính chất chung của mỗi ngành luật, mỗi chế định luật), vừa có quan điểm cụ thể (để dự kiến chính xác các tình huống và hoàn cảnh cụ thể nhằm đưa ra các quy phạm phù hợp).

Như vậy, hoàn thiện pháp luật thực hành quyền công tố phải dựa trên tiêu chí về tính đồng bộ. Trên cơ sở đó, về kết cấu cũng như các quy định ở mỗi

chương, mục, điều, khoản của một ngành luật cũng như giữa các ngành luật trong hệ thống pháp luật phải đảm bảo tính thống nhất, không trùng lặp, chồng chéo, cũng như không mâu thuẫn với nhau.

- Hoàn thiện pháp luật thực hành quyền công tố phải đảm bảo tính khoa học: Tính khoa học đòi hỏi cả về mặt hình thức lẫn nội dung, trên cơ sở nắm bắt yêu cầu khách quan của thực tiễn, chứ không phải là sự áp đặt chủ quan. Pháp luật thực hành quyền công tố phải được xây dựng trên những căn cứ bền vững về lý luận và thực tiễn, trên cơ sở phát huy những truyền thống pháp lý dân tộc cũng như tiếp thu những tinh hoa của khoa học pháp lý nước ngoài. Tính khoa học đòi hỏi trong quá trình xây dựng pháp luật thực hành quyền công tố phải có sự tiên lượng, dự báo, vừa điều chỉnh hữu hiệu các quan hệ xã hội hiện tại, cũng như đảm bảo sự ổn định của các quy phạm pháp luật trong tương lai. Mặt khác, tính khoa học cũng đòi hỏi pháp luật thực hành quyền công tố phải phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng và phù hợp với Hiến pháp cũng như các ngành luật liên quan khác; nhằm đảm bảo sự vận hành hợp lý, hiệu quả, thông suốt trong quá trình thực hiện.

- Pháp luật thực hành quyền công tố phải đảm bảo tính khả thi, minh bạch: Pháp luật là một phạm trù lịch sử có tính giai cấp và xã hội; pháp luật thuộc về kiến trúc thượng tầng, được quy định bởi cơ sở hạ tầng. Vì vậy khi xây dựng một ngành luật, phải xem xét đến trình độ phát triển kinh tế, xã hội, dân trí ... Việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật thực hành quyền công tố đòi hỏi sự phù hợp của các quy phạm pháp luật với điều kiện kinh tế-xã hội; có nghĩa là pháp luật phải dễ dàng đi vào cuộc sống, dễ thực hiện; đồng thời phải đảm bảo tính thống nhất nội tại, chính xác, rõ ràng về thứ bậc, hiệu lực pháp lý của hệ thống pháp luật.

- Pháp luật thực hành quyền công tố bao gồm nhiều ngành luật điều chỉnh, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, hoạt động của Cơ quan thực hành quyền công tố, về mối quan hệ giữa Cơ quan thực hành quyền công tố với các cơ quan

tố tụng khác, cũng như với những người tham gia tố tụng khác...Có rất nhiều chủ thể tham gia vào quá trình tố tụng, với các trình độ nhận thức khác nhau. Do vậy, tính minh bạch đòi hỏi các quy định trong hệ thống pháp luật thực hành quyền công tố phải cụ thể, chi tiết, phổ thông, rõ ràng, dễ hiểu, nhất quán, không đa nghĩa.

- Ngoài ra, việc hoàn thiện pháp luật thực hành quyền công tố phải dựa trên kỹ thuật xây dựng pháp luật hiện đại, trên cơ sở thực hiện tốt các hoạt động pháp điển hoá và tập hợp hoá; về hình thức, kết cấu phải đáp ứng một cách khoa học trình tự về kỹ thuật xây dựng văn bản...

3.2. Một số kiến nghị nâng cao chất lượng thực hiện quyền công tố khi giải quyết các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật

Trong Báo cáo tổng kết 8 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp ngày 12/03/2014 chỉ rõ: Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã hoàn thành việc nghiên cứu, xây dựng Đề án nghiên cứu việc chuyển viện kiểm sát thành viện công tố báo cáo Ban Chỉ đạo trình Bộ Chính trị kết luận: Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp (được Hiến pháp năm 2013 quy định); Viện kiểm sát được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức tòa án nhân dân. Đề án về mô hình tố tụng hình sự đã được Ban Chỉ đạo cho ý kiến và thống nhất đề nghị Bộ Chính trị cho áp dụng mô hình tố tụng kết hợp giữa tố tụng thẩm vấn và tố tụng tranh tụng.

Thực hiện chủ trương tăng cường trách nhiệm công tố trong giai đoạn điều tra, viện kiểm sát các cấp đã phân công kiểm sát viên bám sát quá trình điều tra vụ án; kiểm sát chặt chẽ hơn việc thu thập chứng cứ, lập hồ sơ vụ án của cơ quan điều tra. Từ những phân tích trên, đề nghị chuyển Cơ quan Viện kiểm sát thành Viện công tố. Về vị trí, chức năng, tổ chức của Cơ quan thực hành quyền công tố sẽ được quy định trong Luật tổ chức Luật tổ chức Viện công tố.

Giao cho một cơ quan quản lý thống nhất mọi tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Đây là vấn đề hết sức cần thiết của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Xung quanh vấn đề này, hiện tồn tại hai loại ý kiến:

- Loại ý kiến thứ nhất đề nghị: Giao cho nhiều cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm (cơ quan Công an, VKS, Tòa án, các cơ quan, tổ chức khác). Viện kiểm sát làm đầu mối tiếp nhận mọi tố giác, tin báo về tội phạm từ các cơ quan này chuyển về và quyết định việc xác minh tố giác, tin báo về tội phạm.

- Loại ý kiến thứ hai đề nghị: Tiếp tục giao cho CQĐT chủ động xác minh tố giác, tin báo về tội phạm như hiện nay nhưng sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm phải có trách nhiệm thông báo ngay cho VKS để VKS tiến hành kiểm sát.

Việc giao cho VKS làm đầu mối nắm và quản lý mọi tố giác, tin báo về tội phạm có lẽ sẽ phù hợp hơn với vị trí, trách nhiệm của cơ quan thực hành quyền công tố, tạo cho VKS chủ động trong việc thực hành quyền công tố ngay từ khâu xem xét khởi tố vụ án và thực hiện tốt trách nhiệm kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Tuy nhiên, để phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam, không gây xáo trộn lớn, trước mắt chỉ nên quy định CQĐT sau khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm phải thông báo ngay cho VKS. Viện kiểm sát sẽ vào cuộc cùng với CQĐT từ thời điểm này và chỉ trực tiếp xác minh tố giác, tin báo tội phạm khi xét thấy cần thiết (ví dụ: Khi phát hiện việc xác minh của CQĐT vi phạm nghiêm trọng pháp luật, bỏ lọt tội phạm, có khiếu nại...). Nhiệm vụ xác minh tố giác báo về tội phạm vẫn chủ yếu do CQĐT đảm nhiệm như hiện nay. Về lâu dài, cần tính toán để có cơ chế chia sẻ trách nhiệm giữa Công an các cấp với CQĐT trong việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm nhằm tránh áp lực cho CQĐT, phù hợp với thực tiễn thực hiện hiện nay [3]. Đồng thời, nghiên cứu việc giao cho VKS làm đầu mối quản lý và quyết định việc xác minh tố giác, tin báo về tội phạm phù hợp với vị trí, trách nhiệm

của cơ quan THQCT (quyết định phát động công tố quyền); trên cơ sở đó quy định lại đường đi của những tố giác, tin báo về tội phạm từ các cơ quan này về VKS.

Thứ ba, xây dựng mô hình quan hệ VKS và CQĐT trên cơ sở nhận thức đúng về QCT và tổ chức thực thi QCT, phát huy tối đa trách nhiệm của các cơ quan này trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; bảo không trùng đẫm, làm thay chức trách, nhiệm vụ của nhau và cũng không đùn đẩy trách nhiệm. Cụ thể là:

- Sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm tăng cường sự phối hợp giữa VKS và CQĐT ngay từ khâu tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và trong suốt quá trình điều tra vụ án. Điều này hoàn toàn phù hợp với bản chất của hoạt động điều tra và hoạt động công tố - hai hoạt động có chung định hướng, chung mục đích. Có như vậy sẽ giúp giảm bớt thời gian tố tụng, tránh việc trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, sớm đưa tội phạm và người phạm tội ra tòa xét xử.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm khắc phục tình trạng thụ động và lệ thuộc của VKS vào CQĐT như hiện nay, dành cho VKS quyền chủ động trong thực hiện chức năng công tố nhưng phải trên cơ sở không lấn sân hoặc làm thay chức năng của CQĐT. Viện kiểm sát chỉ tiến hành các biện pháp công tố như trực tiếp xác minh tố giác, tin báo về tội phạm; khởi tố vụ án; khởi tố bị can; trực tiếp điều tra vụ án,... khi VKS đã yêu cầu CQĐT thực hiện mà CQĐT không thực hiện hoặc thực hiện không đạt kết quả hoặc có vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

- Bên cạnh thẩm quyền điều tra một số loại tội xâm phạm hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp như quy định của pháp luật hiện hành, bổ sung thẩm quyền điều tra của VKS theo hướng: Khi phát hiện việc điều tra không khách quan, không đầy đủ hoặc có vi phạm pháp luật nghiêm trọng và VKS đã ban hành các yêu cầu, quyết định tố tụng đối với

CQĐT nhưng CQĐT không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không đạt hiệu quả hoặc trong các trường hợp khác mà Viện trưởng VKS xét thấy cần thiết để thực hiện đầy đủ trách nhiệm công tố thì VKS có thể rút vụ án để trực tiếp điều tra. Đồng thời, có bộ máy để thực hiện tốt trách nhiệm điều tra này.

Thứ tư, tiếp tục giao cho VKS trách nhiệm phê chuẩn các quyết định tố tụng quan trọng trong giai đoạn điều tra như hiện nay và phải chịu trách nhiệm bồi thường các trường hợp oan, sai thuộc phạm vi phê chuẩn của mình. Tuy nhiên, cần rà soát các quy định hiện hành liên quan đến thời hạn tố tụng, cơ chế tố tụng để bảo đảm VKS đủ điều kiện thực hiện tốt trách nhiệm được giao, tránh xảy ra oan, sai cho công dân và phải bồi thường thiệt hại.

3.2.2. Hoàn thiện cơ chế tổ chức và thực hiện

Thứ nhất, Để đảm bảo thực hiện quyền công tố trong tất cả các giai đoạn tin báo, khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử, Viện kiểm sát trước hết cần phải nắm vững và thực hiện đúng, đầy đủ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của ngành kiểm sát. Nắm vững và thực hiện đúng, đầy đủ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của ngành trước hết là nhận thức đầy đủ, thống nhất không chỉ về nội dung mà cả tinh thần của điều luật. Các quy định của pháp luật trong Luật tổ chức VKSND, Pháp lệnh VKS quân sự, BLTTHS, có sự nhấn mạnh chức năng thực hành quyền công tố trong quan hệ với chức năng kiểm sát ở giai đoạn điều tra. Đó là các quy định nhằm khẳng định vị trí trọng tâm, có tính ưu tiên của chức năng thực hành quyền công tố, nhằm bảo đảm tính có căn cứ, tính hợp pháp trong việc VKS xem xét để truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Nắm vững và thực hiện đầy đủ các quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của ngành tức là phải nhận thức được mối quan hệ chặt chẽ giữa các công tác thực hiện chức năng; nhận thức được mối quan hệ chặt chẽ giữa quyền hạn của VKS với trách nhiệm của VKS các cấp trong việc thực hiện các quyền hạn đó.

Thứ hai, tăng cường vai trò lãnh đạo của Viện trưởng VKS các cấp, kết hợp với tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của các KSV trong hoạt động

thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra. Với vai trò là người lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm chung về toàn bộ hoạt động của VKS mỗi cấp cũng như chịu trách nhiệm về hoạt động của VKS cấp dưới, đòi hỏi trước hết Viện trưởng VKS các cấp phải tham gia trực tiếp vào hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra, bảo đảm các quyết định pháp lý được ban hành phải đúng đắn, hợp pháp, có căn cứ. Việc nâng cao trách nhiệm của Viện trưởng VKS các cấp được đặt trong quan hệ với việc nâng cao quyền hạn, trách nhiệm của KSV. Mọi quan hệ này phải được giải quyết hài hòa, nếu không sẽ xảy ra tình trạng, hoặc là quá coi trọng vai trò của Viện trưởng mà hạ thấp vai trò của KSV (điều này sẽ dẫn đến tình trạng làm cho KSV không phát huy được vai trò sáng tạo, dễ thụ động, ỷ lại cho Viện trưởng), hoặc là quá coi trọng quyền hạn của KSV mà bỏ quên trách nhiệm của Viện trưởng. Do đó, phải quy định để phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của Viện trưởng với quyền hạn, trách nhiệm của KSV.

Thứ ba, tăng cường tính độc lập của cơ quan thực hành quyền công tố. Hệ thống VKS thực hiện chức năng thực hành quyền công tố ở nước ta trực thuộc Quốc hội - Cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất là một điều kiện quan trọng để cơ quan này có khả năng độc lập trong hoạt động thực hiện chức năng của mình. Hiện nay các VKS địa phương đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương, do bị phụ thuộc như vậy nên VKS một số nơi đã không thể phát huy được vai trò của mình, kiên quyết xử lý những vụ án thuộc thẩm quyền. Bên cạnh đó, trong mối quan hệ với CQĐT cũng có mâu thuẫn, xét về khía cạnh địa vị pháp lý trong TTHS, Viện trưởng VKS có quyền mang tính chế ước đối với CQĐT cùng cấp, nhưng về vị thế chính trị trong cấp ủy địa phương thì Thủ trưởng CQĐT luôn có vị thế cao hơn (ủy viên thường vụ). Chính điều này là một yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng VKS không phát huy được thực hành quyền công tố chế ước CQĐT, dẫn đến hoạt động của VKS trong giai đoạn điều tra chỉ mang tính hình thức, xuôi theo chiều CQĐT. Theo tôi, để khắc phục tình trạng này, phải cải cách tổ chức hệ thống VKS theo khu vực; tổ chức Đảng không trực thuộc

cấp ủy địa phương nữa mới bảo đảm sự độc lập của VKS khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình [2, tr 49].

Thứ tư, VKS cần kết hợp nhịp nhàng giữa chức năng thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra với kiểm sát điều tra. BLTTHS đã quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra và kiểm sát điều tra trong hai điều luật khác nhau (Điều 112, Điều 113 BLTTHS năm 2003). Hai mặt hoạt động này của VKS luôn diễn ra song song, đan xen vào nhau và có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, hoạt động này là tiền đề cho hoạt động kia và ngược lại. Trên thực tế hoạt động của VKS cần tránh việc tuyệt đối hóa chức năng thực hành quyền công tố, không quan tâm đến hoạt động kiểm sát và việc tách rời hai mặt của hoạt động này, không thấy được mối quan hệ, sự tác động và ảnh hưởng lẫn nhau giữa chúng. Vì vậy, khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra phải luôn quán triệt và thấy được tầm quan trọng và mối liên hệ mật thiết với hoạt động kiểm sát. Hoạt động kiểm sát điều tra chính là yếu tố bảo đảm cho hoạt động thực hành quyền công tố đạt hiệu quả.

Thứ năm, tổ chức thực hiện một cách khoa học việc KSV tham gia trực tiếp vào các hoạt động điều tra để nắm chắc vụ án. Trước hết, đối với mỗi vụ án sau khi đã xem xét quyết định khởi tố có căn cứ, hợp pháp thì đề ra yêu cầu điều tra cụ thể, kịp thời; yêu cầu CQĐT tập trung điều tra làm rõ các vấn đề phục vụ cho việc giải quyết vụ án. KSV chỉ trực tiếp tiến hành các hoạt động điều tra khi các yêu cầu điều tra không được thực hiện nghiêm chỉnh, khi thấy phải kiểm tra lại độ tin cậy của chứng cứ hoặc trong những trường hợp lời khai bị can, nhân chứng, người bị hại còn mâu thuẫn; vụ án đặc biệt nghiêm trọng; bị can lúc thì nhận tội, lúc thì chối tội hoặc có dấu hiệu dụ cung, mớm cung, bức cung, bị nhục hình. Tùy từng thời điểm, đối với từng vụ án cụ thể, VKS cần cử KSV tham gia trực tiếp cùng ĐTV để tiến hành các hoạt động điều tra nhất định. Bên cạnh đó, VKS phân công KSV theo dõi việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm ngay từ đầu chứ không phải chỉ đến khi đã khởi tố vụ án mới phân công để bảo

đảm KSV nắm chắc vụ án và chủ động thực hiện nhanh chóng các hoạt động sau đó như đề xuất phê chuẩn khởi tố bị can, phê chuẩn áp dụng biện pháp ngăn chặn; xác định sự cần thiết phải tham gia vào các hoạt động điều tra nhất định.

Thứ sáu, cần tiến hành phúc cung, kiểm tra lại toàn bộ lời khai của bị can, bị cáo trước khi ra cáo trạng để hạn chế việc bỏ lọt tội phạm và xử oan người vô tội. Đây là hoạt động cần đặc biệt lưu ý trong giai đoạn tình trạng tội phạm ngày càng phức tạp như hiện nay.

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, bên cạnh những giải pháp đã nêu trên thì luận văn có một số kiến nghị cụ thể sau:

- Trước mắt, VKS giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. VKS được tổ chức phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án. Nghiên cứu việc chuyển VKS thành Viện Công tố, tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra.

- Nhanh chóng kiện toàn tổ chức, sắp xếp lại và tăng cường đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho bộ phận thực hành quyền công tố. Để hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra đạt chất lượng, hiệu quả cao, đáp ứng được các yêu cầu của tình hình mới, việc đổi mới tổ chức và cán bộ ở khâu công tác này thực sự trở nên cấp thiết. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; việc bố trí, sắp xếp cán bộ phải căn cứ vào nhu cầu công việc.

- Đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành trong hoạt động thực hành quyền công tố. Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát của VKS cấp trên đối với VKS cấp dưới, trong việc thực hiện các quy định của BLTTHS và Quy chế về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra các VAHS. Hiện nay đang tồn tại hiện tượng cấp dưới do sợ trách nhiệm, và có phần ít chịu tìm tòi, suy nghĩ, chưa làm đến nơi đến chốn, không xem xét kỹ lưỡng, không có quan điểm giải quyết rõ ràng, nên dùn dẫy

bằng cách thỉnh thị xin ý kiến cấp trên. Ngược lại, khi nhận được thỉnh thị của cấp dưới, việc trả lời của cấp trên rất chậm, có khi thì trả lời chung chung, nước đôi dẫn đến tình trạng cấp dưới bị lúng túng, không biết nên giải quyết thế nào. Trước tình hình đó, cần thiết phải ban hành Quy chế về việc thỉnh thị và trả lời thỉnh thị, quy định chi tiết các vấn đề liên quan đến việc thỉnh thị và trả lời thỉnh thị.

- Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các bộ phận, đơn vị nghiệp vụ, giữa VKS cấp dưới và VKS cấp trên, giữa VKS với các cơ quan, ban ngành khác. Ban hành quy chế phối hợp giữa các chủ thể này.

- Cùng với việc tham gia hoàn thiện hệ thống pháp luật, cần đẩy mạnh hơn nữa hoạt động hướng dẫn thi hành pháp luật. Thực tế cho thấy, hệ thống pháp luật nước ta đang có những quy định chồng chéo, mâu thuẫn, chung chung, thiếu rõ ràng, cụ thể. Do vậy, Quốc hội đã yêu cầu các cơ quan khi trình dự án luật, pháp lệnh phải trình cả các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều này rất khó thực hiện trong một thời gian ngắn, vì nếu đã cụ thể hóa được ngay thì bản thân dự án luật, pháp lệnh đã không cần phải được hướng dẫn thi hành nữa. Bởi vậy, vấn đề hướng dẫn thi hành pháp luật được đặt ra một cách cấp bách.

Kết luận chương 3

Việc áp dụng pháp luật tố tụng hình sự nói chung, cũng như việc thực hiện quyền công tố của VKSND huyện Tiên Du nói riêng cần phải được chấn chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, cũng như đáp ứng yêu cầu thực hiện công cuộc cải cách tư pháp đã được Đảng đặt ra trong Nghị quyết số 49-NQ/TW về "Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020" cũng như để triển khai Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Viện kiểm sát năm 2014, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Nhiệm vụ cải cách tư pháp đặt ra đối với các cơ quan tư pháp nói chung và VKS nói riêng là rất nặng nề. Từ giai đoạn tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm, khởi tố vụ án hình sự đến giai đoạn điều tra, xét xử vụ án hình sự, đòi hỏi VKS phải tăng cường hơn nữa, trách nhiệm của KSV trong hoạt động thu

thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ và lập hồ sơ vụ án hình sự của CQĐT, khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự phải đảm bảo không để lọt tội phạm, người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã giao cho ngành kiểm sát đòi hỏi VKS Tiên Du phải tiếp tục thực hiện tốt chức năng công tố theo hướng tăng cường trách nhiệm của Công tố viên trong hoạt động điều tra, truy tố, nâng cao chất lượng công tố tại phiên tòa, đảm bảo tranh tụng dân chủ với Luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác....

KẾT LUẬN

Luận văn trước hết đã phân tích và đưa ra khái niệm về quyền công tố và thực hành quyền công tố giúp phân biệt hai khái niệm này trong khoa học cũng như trong thực tiễn hoạt động thực hành quyền công tố. Luận văn cũng chỉ ra được những quy định của pháp luật, đặc biệt là quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về thực hiện quyền công tố của Viện kiểm sát.

Bên cạnh đó, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du trong những năm qua, tìm ra những thiếu sót, hạn chế để đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm thực hiện tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát. Đồng thời Luận văn cũng chỉ ra một số sự bất cập giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình thực hiện cải cách tư pháp về mô hình, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát, đặc biệt trong việc thực hiện quyền công tố tại huyện Tiên Du. Từ đó, luận văn đề xuất, kiến nghị điều chỉnh hoặc làm rõ một số quy định của pháp luật, cũng như một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật tố tụng hình sự trên thực tế. Có thể nói rằng, năm 2016 là năm các cơ quan tư pháp triển khai thi hành nhiều đạo luật quan trọng về tư pháp, tiếp tục thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, của Quốc hội về cải cách tư pháp, về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Những kết quả đạt được trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách trong những năm qua sẽ là động lực để Viện Kiểm sát Tiên Du tiếp tục nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Ngành, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hoài An, *Một số vướng mắc, hạn chế và kiến nghị nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án trọng điểm về ma túy trên địa bàn tỉnh Nghệ An*, Tạp chí kiểm sát, Số 05/2013
2. Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp (2007), *Kế hoạch số 06-KH/CCTP về sơ kết Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Ban chỉ đạo cải cách tư pháp, *Báo cáo tổng kết 8 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội, ngày 12/03/2014
4. Bộ luật tố tụng hình sự 2015
5. Bộ luật tố tụng hình sự 2003
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Đỗ Văn Dương (2006), *Cơ quan thực hành quyền công tố trong cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp.
8. Phạm Hồng Hải, *Đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của hệ thống các cơ quan thực hiện chức năng thực hành quyền công tố đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, 2006
9. Hiến pháp 2013
10. Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến năm 1992 (2004), Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
11. Lê Thị Tuyết Hoa, *Luận án tiến sĩ luật học, Quyền công tố ở Việt Nam*; GS. TS. Đào Trí Úc hướng dẫn, 2002
12. Phạm Thị Thuỳ Linh, *Luận văn thạc sĩ luật học: Quyền công tố của Viện Kiểm sát trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự*; PGS.TS. Hoàng Thị Minh Sơn hướng dẫn, Hà Nội, 2012

13. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014
14. Trần Hoài Nam, *Một số kinh nghiệm rút ra từ công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án về ma túy trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*, Tạp chí kiểm sát, Số 08/2013
15. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020.
16. ThS Dương Văn Phùng, *Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án tham nhũng*, Tạp chí kiểm sát, Số xuân/2013
17. Lê Hữu Thê, *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2005.
18. Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT - VKSTC - BCA - BQP về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.
19. Nguyễn Ngọc Thuận, Luận văn thạc sĩ luật học: *Áp dụng pháp luật khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân ở tỉnh Nghệ An hiện nay*; PGS. TS. Nguyễn Thị Hồi hướng dẫn, Hà Nội, 2013
20. Phan Vũ Trang, *Thực hành quyền công tố theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Luận văn thạc sĩ luật học năm 2005.
21. *Từ điển tiếng Việt* (1998), Nxb Đà Nẵng- Trung tâm từ điển học.
22. *Từ điển luật học* (2006), Nxb Từ điển Bách khoa- Nxb Tư pháp.
23. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2006.
24. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Bàn về quyền công tố*, Hà Nội 2003.
25. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, Báo cáo tổng kết công tác năm 2012, Tiên Du, ngày 30/12/2012

26. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, Báo cáo tổng kết công tác năm 2013, Tiên Du, ngày 29/12/2013
27. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, Báo cáo tổng kết công tác năm 2014, Tiên Du, ngày 30/12/2014
28. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, Báo cáo tổng kết công tác năm 2015, Tiên Du, ngày 30/12/2015.
29. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, Báo cáo tổng kết công tác năm 2016 Tiên Du, ngày 26/12/2016.
30. Viện Khoa học kiểm sát- Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2005), "Chuyên đề về Cơ quan công tố một số nước", *Thông tin khoa học kiểm sát*.
31. Viện Khoa học kiểm sát- Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2005), *Viện kiểm sát nhân dân trong tiến trình cải cách tư pháp*, Đề tài khoa học cấp bộ, Hà Nội.
32. Võ Khánh Vinh, *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội 2004.